

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC



EVNCHP

TÀI LIỆU

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG**



Huế, tháng 06 năm 2021

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Stt	Nội dung	Trang
1	Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	
2	Thông báo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	
3	Thư xác nhận tham dự hoặc ủy quyền dự họp	
4	Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	
5	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020, kế hoạch năm 2021	
6	Báo cáo tài chính Công ty năm 2020 đã được kiểm toán	
7	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020	
8	Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động giám sát công ty năm 2020	
9	Báo cáo tóm tắt các nội dung cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ năm 2021	
10	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến cổ tức năm 2021	
11	Tờ trình về sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT	
12	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021	
13	Tờ trình về việc đề xuất mức thù lao HĐQT, tiền lương & thù lao Ban kiểm soát năm 2021	
14	Báo cáo v/v Miễn nhiệm TV Ban kiểm soát và kết quả đề cử của Cổ đông về nhân sự tham gia Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2020-2025) Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung	
15	Qui chế bầu cử bổ sung TV Ban kiểm soát	
16	Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian: Vào lúc 8h – 11h30, ngày 24/06/2021

Địa điểm: Văn phòng Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung – Lô 57B -
Đường số 6 – KCN Đà Nẵng – P. An Hải Bắc – Q. Sơn Trà – Tp. Đà Nẵng

STT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
1	8h00-8h30	Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông tham dự Đại hội	Ban tổ chức
2	8h30-8h40	+ Ban kiểm soát kiểm tra tư cách đại biểu + Tuyên bố lý do, giới thiệu khách mời, giới thiệu đoàn chủ tịch chủ trì Đại hội.	Ban tổ chức
3	8h40-8h55	+ Chủ tọa cử Thư ký Đại hội. + Giới thiệu và bầu Ban kiểm phiếu – Ban bầu cử + Chủ tọa đoàn thông qua chương trình Đại hội	Chủ tọa Đại hội
4	8h55-10h00	+Thông qua qui chế tổ chức Đại hội. + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020, kế hoạch năm 2021. +Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán. +Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020. +Báo cáo của Ban kiểm soát về việc hoạt động giám sát công ty năm 2020. +Báo cáo tóm tắt các nội dung cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ năm 2021. +Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến cổ tức năm 2021 +Tờ trình về sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. +Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021. +Tờ trình về việc kế hoạch tiền lương, thù lao của cán bộ quản lý Công ty năm 2021.	HĐQT, BKS, KTT
5	10h00– 10h30	+Báo cáo v/v Miễn nhiệm TV Ban kiểm soát và kết quả đề cử của Cổ đông về nhân sự tham gia Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2020-2025) Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung +Thông qua qui chế bầu cử bổ sung Thành viên BKS. +Thủ tục bầu cử bổ sung Thành viên Ban kiểm soát.. +Công bố kết quả bầu cử bổ sung Thành viên Ban	HĐQT, BKS

		kiểm soát.	
6	10h30-11h00	Đại hội thảo luận.	Đại hội
7	11h00–11h15	Giải lao	
8	11h15–11h20	+ Công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội.	Ban bầu cử
9	11h20–11h30	+ Trình bày Nghị quyết Đại hội – Thư ký + Tuyên bố bế mạc Đại hội	Thư ký Chủ tọa Đại hội

THÔNG BÁO

“ V/v: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung

Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung (Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Đà Nẵng, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; mã số doanh nghiệp: 0400477830) trân trọng thông báo và kính mời toàn thể quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 với nội dung cụ thể sau:

1. Thời gian: 8h00, thứ năm, ngày 24/06/2021

2. Địa điểm: Văn phòng Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung – Lô 57B đường số 6, KCN Đà Nẵng, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng.

3. Đối tượng tham dự:

Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần hợp lệ của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung theo danh sách chốt ngày 12/05/2021 (ngày đăng ký cuối cùng).

4. Thủ tục tham dự:

Quý cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội vui lòng mang theo và xuất trình bản gốc các giấy tờ sau: CMND/Hộ chiếu; Thư xác nhận tham dự, Giấy ủy quyền (mẫu đính kèm).

Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.

5. Nội dung chương trình đại hội:

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020.
- Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm soát hoạt động Công ty năm 2020.
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến cổ tức năm 2021.
- Bầu cử thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ IV (2020-2025).
- Các nội dung liên quan khác.

6. Tài liệu: Tài liệu Đại hội đã được công bố trên trang web của EVNCHP từ ngày 28/05/2021 (www.chp.vn)



7. Các vấn đề khác:

Để công tác tổ chức được chu đáo, đề nghị quý cổ đông/người được ủy quyền vui lòng xác nhận tham dự Đại hội qua điện thoại; email; gửi hoặc fax Thư tham dự /Giấy ủy quyền dự họp, thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử (được đính kèm tài liệu đại hội) đến Văn phòng Công ty trước **16 giờ 00 ngày 23/06/2021** theo địa chỉ sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Lô 57B, đường số 6, Khu công nghiệp Đà Nẵng, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.2210571 Fax: 0236.3935960


Người liên hệ: Chị Trần Thị Thanh Nga (Phòng TC-KT).

Điện thoại: 0982.777.962

Email: ngachp@gmail.com

Thông báo này thay cho thư mời và thay thế cho Thông báo số 17/TB-EVNCHP-

HĐQT ngày 17/05/2021.

Trân trọng. 

Nơi nhận

- Như trên;
- UBCKNN, HSX;
- HĐQT, BKS;
- Các bộ phận;
- Lưu TK, P5.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Việt



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

....., ngày tháng ... năm 2021

**THƯ XÁC NHẬN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Tên cổ đông:

Giấy CMND/ĐKKD số: ngày cấp nơi cấp

Địa chỉ: Số điện thoại:

Họ tên người đại diện tổ chức (nếu cổ đông là tổ chức):

CMND người đại diện số ngày cấp nơi cấp

Địa chỉ: Số điện thoại:

Tổng số cổ phần đại diện: cổ phần (sở hữu đến ngày 12/05/2021).

Trong đó:

+ Số cổ phần sở hữu : cổ phần.

+ Số cổ phần được ủy quyền : cổ phần.

Nay xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung.

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu là tổ chức)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

....., ngày tháng ... năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
(Mẫu sử dụng cho cá nhân)

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Bên ủy quyền:

Họ tên cổ đông:Điện thoại:.....

Số CMND : ngày cấp nơi cấp

Số cổ phần cổ đông sở hữu đến ngày 12/05/2021: cổ phần.

Nay ủy quyền cho:

Bên nhận ủy quyền:

Họ tên :Điện thoại:.....

Số CMND : ngày cấp nơi cấp

Địa chỉ:

Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên trong Ban điều hành của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung (vui lòng đánh dấu “X” để chọn):

Chủ tịch Hội đồng quản trị – Ông Hồ Quốc Việt

Tổng Giám đốc – Ông Trương Công Giới

Được quyền thay thế tôi tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung.

Cam kết: Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung, đồng thời cam kết không đưa ra một khiếu nại, kiện cáo gì đối với Công ty.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung.

Nhằm đảm bảo Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

I. MỤC ĐÍCH:

-Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

-Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI:

-Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty, Qui chế nội bộ về Quản trị công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.

-Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung.

III. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT:

- Công ty : Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHCĐ : Đại hội cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

IV. NỘI DUNG:

1. Điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông:

- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện

trên [51%] tổng số phiếu biểu quyết.

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội:

Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt đến hết ngày đăng ký cuối cùng là ngày **12/05/2021** đều có quyền tham dự Đại hội cổ đông.

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

(Mẫu văn bản ủy quyền được đính kèm với thông báo tổ chức đại hội gửi đến quý cổ đông)

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

3. Khách mời tại Đại hội:

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4. Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ:

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có),

giấy tờ tùy thân ... theo yêu cầu của BTC Đại hội. Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

-Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

-Đề điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

-Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

-Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

5. Chủ tọa Đại hội:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

+Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

+Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

+Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

+Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

+Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f) Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g) Đoàn Chủ tọa bao gồm 01 Chủ tịch và các Thành viên.

h) Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

+Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

+Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

+Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

+Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

+Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

i) Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

6. Thư ký Đại hội:

a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

+Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

+Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;

+Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

+Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

+Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

7. Ban kiểm phiếu:

a) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

+Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.

+Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.

+Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.

+Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

8. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng

Ban và các thành viên.

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm tra cổ đông/đại biểu:

+Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

+Trường Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên [51%] tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

+Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

9. Phát biểu tại Đại hội:

- Đại biểu tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội:

10.1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- b. Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

10.2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.
- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**
 - Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho

phiếu bầu; ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

➤ **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

11.1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

11.2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “□” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải ghi rõ họ tên của đại biểu.
- b. Hình thức biểu quyết khác Cổ đông gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử; Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

12. Cách thức bầu cử:

12.1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử.

12.2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.
- b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử: Đại biểu gửi Phiếu bầu cử về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu bầu cử phải ghi rõ họ tên của đại biểu..

-Cổ đông gửi phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử; Gửi phiếu bầu cử bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

13. Cách thức kiểm phiếu:

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành; không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

14.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- f. Gia hạn hoạt động công ty;
- g. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

14.2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/TT-BTC.

14.3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

15. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

V. THỰC HIỆN:

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, đại biểu tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập Đại hội cổ đông có quyền:

- ✓ Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- ✓ Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc

hợp ĐHCĐ.

-Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của pháp luật.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS.
- Lưu TKCT.



Hồ Quốc Việt



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Mã số đại biểu:

Họ và tên đại biểu:

Tổng số cổ phần biểu quyết:

Cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu X vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
Nội dung 01: Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động giám sát công ty năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. ++PA1: Doanh thu: 719 tỷ; LNST: 161 tỷ đồng ++PA2: Doanh thu: 738 tỷ; LNST: 179 tỷ đồng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Thông qua dự kiến chi trả cổ tức năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08: Thông qua phương án lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09: Thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao của cán bộ quản lý Công ty năm 2021.			
9.1. Kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.2. Kế hoạch thù lao của Kiểm soát viên năm 2021. ++PA1: 8.000.000 đồng/người/tháng ++PA2: 7.000.000 đồng/người/tháng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
Nội dung 10: Thông qua việc Sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung. +PA1: Thông qua sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như dự thảo công ty trình ĐHĐCĐ 2021. +PA2: Thông qua sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như dự thảo công ty trình và phụ lục ý kiến góp ý của Cổ đông đính kèm.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

Hướng dẫn: +Quý Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn **MỘT** trong các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

+Đối với nội dung 6; 9.2 và 10, Quý Cổ đông lựa chọn **một** trong **hai** nội dung **PA1 hoặc PA2**.

BÁO CÁO

“Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và kế hoạch năm 2021”

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần thủy điện miền Trung.

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-CHP-HĐCĐ ngày 16/6/2020 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm qua, Công ty xin báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2020 và đề xuất mục tiêu, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2021 với các nội dung như sau:

A. PHẦN THỨ NHẤT: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

Mục tiêu năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên thông qua:

- * **Mục tiêu thứ 1:** Hoàn thành kế hoạch doanh thu 776 tỷ đồng
- * **Mục tiêu thứ 2:** Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế 221 tỷ đồng.
- * **Mục tiêu thứ 3:** Hoàn thành quyết toán A-B các gói thầu của dự án nhà máy điện mặt trời Cư Jút (chưa bao gồm phần dịch vụ gói thầu 01/EPC-CJ).

I. Kết quả thực hiện các mục tiêu:

1. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu 1 và 2: Doanh thu và lợi nhuận

Năm 2020, Công ty thực hiện sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn và thử thách. Đại dịch Covid-19 với những diễn biến phức tạp đã gây ảnh hưởng nặng nề đến tính mạng, đời sống và mọi khía cạnh kinh tế-xã hội của nước ta cũng như toàn cầu. Ngoài ra, hiện tượng thời tiết bất thường như sự nóng lên toàn cầu và ảnh hưởng La Nina đã gây ra hàng loạt các hình thái thời tiết cực đoan như bão lớn, lũ lụt...bất ngờ xảy ra tại miền Trung, mang đến nhiều đe dọa rủi ro cho công tác vận hành, an toàn của 2 nhà máy A Lưới và Cư Jút. Công ty phải vừa vận hành vừa điều tiết xả lũ đảm bảo an toàn hồ đập, đặc biệt đợt bão lũ từ tháng 10-11/2020 lưu lượng xả tràn hồ A Lưới $Q_{max}=3962 \text{ m}^3/\text{s}$ (cao nhất từ khi vận hành).

Trước biến động bất lường và các tác động bất lợi của thiên tai, dịch bệnh, việc phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020 là rất khó khăn và nặng nề. Ban điều hành và CBCNV đã nỗ lực trong công tác quản lý, vừa vận hành đảm bảo an toàn, vừa chủ động trong công tác tiêu tu, sửa chữa, xây dựng kịch bản ứng phó, điều tiết thủy văn đúng quy trình, khoa học, hợp lý, qua đó nâng cao hiệu quả vận hành phát điện và hạn chế thiệt hại trong các đợt bão lũ vừa qua.

Vì vậy, kết quả SXKD năm 2020 khá khả quan các chỉ tiêu Doanh thu, Lợi nhuận vượt kế hoạch. Cụ thể doanh thu 838 tỷ đồng đạt 108% kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế 278 tỷ đồng đạt 126% kế hoạch.

Kết quả SXKD 2 nhà máy đến 31/12/2020 như sau:



TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch 2020 được duyệt	Thực hiện năm 2020	% đạt được so với cùng kỳ 2019	% đạt được / KH 2020
1	Tổng SL điện sản xuất (SX)	Triệu kWh	555,592	625,127	692,837	125%	111%
1.1	Sản lượng điện SX NM A Lưới	Triệu kWh	497,349	532,781	601,132	121%	113%
1.2	Sản lượng điện SX NM Cư Jút	Triệu kWh	58,243	92,346	91,705	157%	99%
2	Điện tự dùng & tổn thất MBA						
2.1	Điện tự dùng & tổn thất MBA NM A Lưới	%	0,77%	0,81%	0,7%	91%	86%
2.2	Điện tự dùng & tổn thất MBA NM Cư Jút	%	1,15%	1,15%	1,15%	100%	100%
3	Tổng SL điện thương phẩm (TP)	Triệu kWh	551,447	619,692	687,884	125%	111%
3.1	Sản lượng điện TP NM A Lưới	Triệu kWh	494,226	528,412	597,446	121%	113%
3.2	Sản lượng điện TP NM Cư Jút	Triệu kWh	57,222	91,280	90,438	158%	99%
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	719,156	775,972	838,812	117%	108%
4.1	Doanh thu NM A Lưới	Tỷ đồng	593,686	577,075	636,210	107%	110%
4.2	Doanh thu NM Cư Jút	Tỷ đồng	125,292	198,897	200,903	161%	101%
4.3	Doanh thu dự án khác	Tỷ đồng	0,178		1,699		
5	Tổng chi phí	Tỷ đồng	492,442	545,115	547,980	111%	100%
5.1	Chi phí NM A Lưới	Tỷ đồng	388,490	384,609	388,938	100%	101%
5.2	Chi phí NM Cư Jút	Tỷ đồng	103,891	160,506	157,234	151%	98%
5.3	Chi phí dự án khác	Tỷ đồng	0,061		1,808		
6	Tổng lợi nhuận SXKD trước thuế	Tỷ đồng	226,714	230,857	290,832	128%	126%
6.1	Lợi nhuận trước thuế NM A Lưới	Tỷ đồng	205,196	192,466	247,272	120%	129%
6.2	Lợi nhuận trước thuế NM	Tỷ đồng	21,401	38,391	43,669	204%	114%

	Cư Jút						
6.3	Lợi nhuận trước thuế dự án khác	Tỷ đồng	0,117		-0,109		
7	Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	Tỷ đồng	10,659	9,670	12,460	116%	128%
7.1	Thuế TNDN NM A Lưới	Tỷ đồng	10,636	9,670	12,396	116%	128%
7.2	Thuế TNDN NM Cư Jút	Tỷ đồng					
7.3	Thuế TNDN dự án khác	Tỷ đồng	0,023		0,064		
8	Tổng lợi nhuận SXKD sau thuế	Tỷ đồng	216,055	221,187	278,372	128%	126%
8.1	Lợi nhuận sau thuế NM A Lưới	Tỷ đồng	194,560	182,796	234,876	120%	129%
8.2	Lợi nhuận sau thuế NM Cư Jút	Tỷ đồng	21,401	38,391	43,669	204%	114%
8.3	Lợi nhuận sau thuế dự án khác	Tỷ đồng	0,094		-0,173		

Trong đó kết quả cụ thể từng nhà máy

1.1 Nhà máy thủy điện A Lưới:

Trong 9 tháng đầu năm 2020, nhà máy thủy điện A Lưới gặp nhiều khó khăn trong sản xuất do lưu lượng nước về hồ rất ít ($10,73 \text{ m}^3/\text{s}$), thiếu hụt so với lưu lượng trung bình nhiều năm ($14,14 \text{ m}^3/\text{s}$). Từ tháng 10-12, lượng nước về hồ quá nhiều (bình quân $181,19 \text{ m}^3/\text{s}$) trong đó tháng 10 là $359 \text{ m}^3/\text{s}$, cao gấp 5 lần so với lưu lượng trung bình nhiều năm ($75 \text{ m}^3/\text{s}$); tháng 11 là $131 \text{ m}^3/\text{s}$, cao gần gấp 2 lần lưu lượng trung bình nhiều năm ($76 \text{ m}^3/\text{s}$).

Mùa mưa năm 2020, hầu hết các nhà máy thủy điện phải xả tràn, phụ tải hệ thống điện quốc gia không tăng do ảnh hưởng bởi dịch Covid nên vào một số thời điểm hệ thống thừa nguồn hoặc quá tải hệ thống lưới truyền tải, các nhà máy điện trên hệ thống cũng như Nhà máy A Lưới bị cắt giảm công suất, giá thị trường rất thấp, hầu hết các chu kỳ có giá 1đ.

Sản lượng sản xuất của nhà máy A Lưới được 601 triệu kWh, đạt 113% kế hoạch, doanh thu được 636 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế là 235 tỷ đồng, đạt 129% so với kế hoạch

1.2 Nhà máy Cư Jút:

Nhà máy điện mặt trời Cư Jút vận hành tương đối ổn định, một số trục trặc hư hỏng nhỏ đã được khắc phục kịp thời. 9 tháng đầu năm 2020, bức xạ thực tế cao hơn so với tính toán thiết kế nên sản lượng và doanh thu 9 tháng đầu năm đạt 103% kế hoạch đề ra. Tuy nhiên 3 tháng cuối năm, do ảnh hưởng mưa bão khu vực miền Trung và Nam Trung Bộ nên bức xạ thực tế nhà máy Cư Jút chỉ đạt từ 87% thiết kế, ngoài ra do hệ thống thừa nguồn và quá tải ĐZ nên Nhà máy có nhiều thời điểm bị hạn chế công suất phát, do vậy sản lượng và doanh thu 3 tháng cuối năm thấp hơn so với kế hoạch Năm 2020 nhà máy Cư Jút vận hành nhiều hơn so với năm 2019 gần 3,5 tháng.

Tổng sản lượng được 91,7 triệu kWh, đạt 99,3% kế hoạch, doanh thu được 200 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế là 43,6 tỷ đồng, đạt 114 % kế hoạch.

2. *Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu 3: Hoàn thành quyết toán A-B các gói thầu của dự án nhà máy điện mặt trời Cư Jút (chưa bao gồm phần dịch vụ gói thầu 01/EPC-CJ)*

- Đối với gói thầu 01/EPC-CJ:

+ Về sự cố inverter nhà thầu SUMEC và nhà sản xuất SMA đã thống nhất giá trị bồi thường sự cố với giá trị là 695.856,3 USD, đồng thời SUMEC và SMA đã thống nhất tăng thời gian bảo hành trạm inverter từ 5 năm theo quy định hợp đồng lên thành 06 năm kể từ ngày nghiệm thu tạm thời.

+ Công ty đã hoàn thành cấp chứng chỉ nghiệm thu tạm thời hợp đồng (PAC) vào ngày 30/6/2020 và thời gian vận hành, bảo dưỡng, bảo hành tất các các hạng mục theo quy định hợp đồng được tính từ ngày cấp PAC.

- Đối với công tác quyết toán:

Đã hoàn thành công tác quyết toán dự án nhà máy điện mặt trời Cư Jút, đơn vị Kiểm toán đã phát hành báo cáo Tổng quyết toán dự án hoàn thành nhà máy điện mặt trời Cư Jút và Công ty đã phê duyệt giá trị quyết toán là 1.270,429 tỷ đồng.

II. Kết quả thực hiện các hoạt động chủ yếu trong năm 2020

1. Các hoạt động chủ yếu và nổi bật của Công ty trong năm 2020:

1.1. Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Tổng sản lượng điện sản xuất 692,8 triệu kWh, đạt 111% kế hoạch.
- Tổng sản lượng điện thương phẩm thực hiện 687,8 triệu kWh, đạt 111% so với kế hoạch.
- Tổng doanh thu của 2 nhà máy 838,8 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận sau thuế của 2 nhà máy là 278,3 tỷ đồng, đạt 126% kế hoạch.

1.2. Nhà máy A Lưới vận hành đạt 5 tỷ kWh điện

Vào lúc 17 giờ 00 phút ngày 09/12/2020, sau 8 năm 6 tháng vận hành Nhà máy thủy điện A Lưới đã đạt được sản lượng 5 tỷ kWh điện phát lên lưới điện quốc gia, với doanh thu gần 5.300 tỷ đồng và nộp ngân sách cho nhà nước hơn 900 tỷ đồng

1.3. Công tác kiểm tra nghiệm thu của Bộ Công thương đối với dự án điện mặt trời Cư Jút:

Ngày 09/12/2020, Bộ Công thương có văn bản số 2021/ĐL-NLTT thống nhất kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư đối với các hạng mục công trình, công trình xây dựng nhà máy điện mặt trời Cư Jút. Đây là cơ sở để quyết toán công trình dự án nhà máy điện mặt trời Cư Jút theo quy định

1.4. Công tác quyết toán dự án nhà máy điện mặt trời Cư Jút

Công ty đã hoàn thành tổng quyết toán dự án Nhà máy điện mặt trời Cư Jút, đã được Công ty TNHH kiểm toán & tư vấn RSM Việt Nam phát hành báo cáo Tổng quyết toán dự án hoàn thành và tổ chuyên gia thẩm tra báo cáo quyết toán hoàn thành công tác thẩm tra dự án với giá trị tổng quyết toán 1.270,429 tỷ đồng.

1.5. Công tác an toàn phòng chống cháy nổ:

Công ty đã tổ chức vận hành an toàn 2 nhà máy và các thiết bị phụ trợ, đúng phương thức, đúng quy trình vận hành do A0 quy định, đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị, không để xảy ra sự cố do nguyên nhân chủ quan, đảm bảo suất sự

cổ trong giới hạn cho phép ($\leq 0,3$), không để xuất hiện sản lượng điện năng phát sai khác so với lệnh điều độ do nguyên nhân chủ quan khi vận hành các tổ máy (Qdu).

1.6. Công tác xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại nhà máy Cur Jút và xin cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt nhà máy thủy điện A Lưới:

- Công ty đã sớm hoàn thành việc được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Cur Jút để làm cơ sở ký hợp đồng thế chấp theo điều khoản quy định của Hợp đồng tín dụng vay vốn cho dự án Cur Jút.
- Hoàn thành xin cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt nhà máy thủy điện A Lưới, đây là một trong các điều kiện để được thanh toán tiền điện và tiền khai thác tài nguyên nước.

1.7. Công tác thực thi chiến lược phát triển bền vững và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:

EVNCHP đã được VCCI và Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam bình chọn là một trong tổng số 100 Doanh nghiệp bền vững năm 2020. Như vậy, EVNCHP đã 4 năm liên tiếp được công nhận là một trong tổng số 100 Doanh nghiệp bền vững các năm 2017, 2018, 2019 và 2020 và EVNCHP đã được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về việc “Đã có nhiều thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ Quốc” theo quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 16/1/2020

1.8. Công tác phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa hiệu chỉnh:

Công ty đã phối hợp với Tư vấn hoàn thành việc rà soát, hiệu chỉnh lại Quy trình vận hành hồ chứa A Lưới theo đặc điểm của hồ, cập nhật số liệu thủy văn, dòng chảy đến tuyến công trình thực tế sau 8 năm vận hành. Quy trình đã được UBND Thừa Thiên Huế phê duyệt theo Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 17/8/2020. Đây là văn bản pháp lý rất cao, phục vụ cho việc vận hành công trình.

2. Các hoạt động khác trong năm 2020:

2.1 Công tác quản trị Công ty:

- Công ty đã thực hiện chặt chẽ việc quản trị và đánh giá mục tiêu, nhiệm vụ của các phòng, đánh giá mức độ hoàn thành công việc và mục tiêu cá nhân nhằm đảm bảo thực hiện đúng nhiệm vụ và kế hoạch được giao. Duy trì công tác Kaizen 5S,

- Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT vào quản trị Công ty, thực hiện chữ ký số, sử dụng phần mềm quản lý số liệu kinh doanh điện năng, tích hợp quản lý hợp đồng vào phần mềm quản lý mục tiêu giúp cho việc quản trị của Công ty hiệu quả hơn. Vì vậy trong các đợt giãn cách xã hội theo quy định của Chính phủ để phòng chống lây nhiễm Covid-19, các hoạt động của Công ty vẫn bình thường ổn định.

- Công ty đã bổ nhiệm mới 6 vị trí là Phó Giám đốc nhà máy A Lưới, Trưởng phòng Tổ chức nhân sự, Quản đốc phân xưởng vận hành, Phó trưởng phòng Tài chính-Kế toán và văn phòng. Bổ nhiệm lại 3 vị trí Phó Trưởng Phòng KH-VT và Phòng Kỹ thuật.

2.2 Công tác quản lý cổ đông:

- Công tác chi trả cổ tức: ĐHCĐ thường niên năm 2020 của Công ty đã thông qua tỷ lệ trả cổ tức năm 2019 là 16%:

+ Đối với cổ tức năm 2019 chi trả bằng tiền: Công ty đã hoàn thành chốt danh sách để chi trả cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt và trong năm 2020 đã

chi trả 136,1/138,6 tỷ đồng và hiện tại vẫn tiếp tục chi trả cho các cổ đông còn lại chưa lưu ký.

+ Đối với cổ tức năm 2019 chi trả bằng cổ phiếu (6%): Công ty đã hoàn thành các thủ tục phát hành cổ phiếu trả cổ tức như: Báo cáo UBCKNN về việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức và đã được UBCK chấp thuận, Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức, đăng ký lưu ký và niêm yết cổ phiếu bổ sung, đăng ký ngày giao dịch cổ phiếu bổ sung và thực hiện phát sỏ cổ đông bắt đầu từ ngày 09/10/2020

- Công ty đã thực hiện tốt việc công bố thông tin và hoàn thành việc xây dựng Báo cáo thường niên theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM

2.3 Công tác thị trường điện:

Trong 8 tháng đầu năm doanh thu bán điện thị trường cao hơn so với doanh thu bán điện theo đơn giá hợp đồng khoảng hơn 17 tỷ đồng. Tuy nhiên, 4 tháng cuối năm giá thị trường quá thấp, hầu hết các chu kỳ có giá 1 đồng, do vậy 4 tháng cuối năm doanh thu bán điện thị trường thấp hơn theo đơn giá hợp đồng khoảng 21 tỷ đồng. Lũy kế năm 2020 doanh thu bán điện thị trường điện thấp hơn doanh thu bán điện theo đơn giá hợp đồng khoảng 4 tỷ đồng

2.4 Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và công trình thủy công:

- Trong năm 2020, Nhà máy A lưới và Nhà máy Cư Jút thực hiện tiêu tu theo đúng phương án và sớm hơn kế hoạch được A0, A3 phê duyệt.

- Công tác bảo trì công trình thủy công thực hiện đúng quy trình nên trong mùa mưa lũ đã hạn chế thiệt hại công trình. Công tác kiểm định an toàn đập lần 2 thực hiện đúng quy định.

2.5 Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật:

Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật năm 2020 tiếp tục được đẩy mạnh, đã có 14 sáng kiến được cấp Công ty công nhận. Các sáng kiến đã được đưa vào ứng dụng và mang lại lợi ích thiết thực trong công tác vận hành nhà máy thủy điện A Lưới và nhà máy Cư Jút như:

- Sáng kiến “Cải tiến robot rửa pin nhà máy Cư Jút” giúp tối ưu kết cấu giảm khối lượng robot (giảm được 6kg) và tăng độ tin cậy làm việc của robot, giảm thời gian và chi phí sửa chữa.

- Sáng kiến “Ý tưởng giải pháp làm sạch các bộ làm mát trong khối tổ máy bằng phương pháp súc tuần hoàn tại chỗ” nhằm hạn chế việc tháo các bộ làm mát ra ngoài để tránh hư hỏng bộ làm mát, nâng cao độ tin cậy làm việc các các bộ làm mát trong các năm tiêu tu và trung tu.

- Sáng kiến “Cơ cấu đo và truyền số liệu lưu lượng xả môi trường” giúp thực hiện việc đo độ mở van một cách chính xác và xác định lưu lượng qua van xả môi trường.

2.6 Công tác khác:

- Dự án điện mặt trời áp mái tại khu văn phòng nhà máy điện mặt trời Cư Jút giai đoạn 2: Công ty đã vận hành thương mại và ký kết hợp đồng mua bán điện với Công ty điện lực Đắk Nông ngày 4/12/2020.

- Dự án điện mặt trời áp mái tại khu văn phòng A Co nhà máy thủy điện A Lưới: Công ty đã vận hành thương mại và hoàn thành ký kết hợp đồng mua bán điện với Công ty Điện lực TT Huế ngày 11/11/2020.

ĐẠO
CÔ
CÔ
THỦY
MIỀN
TRÀ

- Về công tác bổ sung quy hoạch các dự án điện mặt trời mới: Công ty đã tích cực và chủ động tiếp xúc, đăng ký với Sở Công thương 2 tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Đắk Nông để báo cáo các nghiên cứu của Công ty về việc đăng ký các dự án điện mặt trời. Đến nay, các dự án Công ty đăng ký đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và UBND tỉnh Đắk Nông kiến nghị đến Bộ Công thương đưa vào sơ đồ điện VIII theo các văn bản số 6677/UBND-CT ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và 6104/UBND-KTN ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông.

- Về dự án đầu tư xây dựng khu nhà điều hành sản xuất: Công ty tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành địa phương để theo dõi chủ trương, kế hoạch di dời KCN An Đồn, song song lập phương án di dời và đầu tư xây dựng khu nhà điều hành sản xuất của Công ty. Hiện nay, Công ty tiếp tục cập nhật thông tin về giá cả thị trường đất đai để chuẩn xác phương án thuê, mua đất đầu tư xây dựng khu nhà điều hành sản xuất Công ty

2.7 Công tác xã hội

Bên cạnh công tác chuyên môn, CBCNV Công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể xã hội, đền ơn đáp nghĩa, hiến máu nhân đạo.

Đảng ủy và Công đoàn Công ty đã phối hợp với Chi bộ và Công đoàn Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 thực hiện tốt công tác phụng dưỡng Mẹ VNAH. CBCNV đã đóng góp tiền lương của mình để hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, tặng quà cho các hộ dân bị ảnh hưởng của dự án thủy điện A Lưới, ủng hộ các địa phương bị bão lũ và ủng hộ các Quỹ tương trợ xã hội với số tiền ủng hộ hơn 150 triệu đồng. Ngoài ra trong năm qua CBCNV đã tự nguyện đóng góp gần 200 triệu đồng hỗ trợ anh Trần Quang Hồ- Kỹ sư sửa chữa nhà máy thủy điện A Lưới bị bệnh nặng phải thay tim.

77
37
1A
VỀ
JN
ĐÀ

B. PHẦN THỨ HAI: MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. MỤC TIÊU NĂM 2021:

- * **Mục tiêu thứ 1:** Hoàn thành kế hoạch doanh thu 720 tỷ đồng
- * **Mục tiêu thứ 2:** Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế 161 tỷ đồng.
- * **Mục tiêu thứ 3:** Hoàn thành xử lý đường hầm và gia cố mái chính diện nhà máy thủy điện A Lưới.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021

1. Kế hoạch SXKD 2021

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021			
				A Lưới	Cư Jút	Áp mái Cư Jút	Tổng cộng
1	Sản lượng điện sản xuất	10 ⁶ kWh	692,837	509,675	82,390	0,079	592,144
2	Sản lượng điện thương phẩm	10 ⁶ kWh	687,884	505,602	81,482	0,063	587,147
3	Doanh thu	10 ⁹ đồng	838,812	542,098	177,752	0,123	719,973
4	Chi phí	10 ⁹ đồng	547,980	381,403	169,371	0,053	550,827
5	Lợi nhuận SXKD trước thuế	10 ⁹ đồng	290,832	160,695	8,381	0,070	169,146
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đồng	12,460	8,083		0,014	8,097
7	Lợi nhuận SXKD sau thuế	10 ⁹ đồng	278,372	152,612	8,381	0,056	161,049

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021

Hoàn thành xử lý đường hầm và gia cố mái chính diện nhà máy thủy điện A Lưới.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2021

1. Về vận hành phát điện:

- Thực hiện đúng các quy trình vận hành, quy định an toàn PCCC và an toàn VSLĐ.

- Vận hành công trình trong mùa mưa lũ đảm bảo an toàn về người, công trình và thiết bị, điều tiết vận hành hồ chứa trong mùa mưa lũ theo đúng quy trình vận hành của Bộ Công Thương và Ban phòng chống lụt bão địa phương.

- Thực hiện công tác tiêu tu, trung tu phần công trình và thiết bị cơ điện Nhà máy theo đúng định kỳ.

- Các VTTB cơ điện được thay thế đúng định kỳ theo khuyến cáo của Nhà sản xuất. Công tác quản lý VTTB theo đúng quy trình của EVN và EVNCHP, tiến độ cung cấp VTTB đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất và khắc phục sự cố.

- Các hạng mục công trình thủy công được kiểm tra định kỳ, kiểm tra bất thường và thực hiện công tác quan trắc mực nước, quan trắc chuyển vị công trình theo đúng quy định.

- Tuân thủ quy định về an toàn, VSLĐ, xây dựng hệ thống quản lý an toàn VSLĐ, đảm bảo an toàn về người, công trình và thiết bị các nhà máy.

- Công tác quản lý VTTB theo đúng quy trình của EVN và EVNCHP, tiến độ cung cấp VTTB đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất và khắc phục sự cố.

- Áp dụng công nghệ để tăng hiệu quả giám sát, cảnh báo

2. Về công tác xử lý đường hầm, trung tu các tổ máy và gia cố mái chính diện nhà máy:

- Nghiên cứu và lập các phương án ứng phó các tình huống khẩn cấp trong công tác xử lý đường hầm đảm bảo đúng quy định.

- Kịp thời ký các hợp đồng đối với các công việc sửa chữa, xử lý khuyết tật đường hầm, gia cố mái chính diện nhà máy đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Theo dõi và đôn đốc nhà thầu kịp thời cung cấp các VTTB phục vụ trung tu các tổ máy và sửa chữa đường hầm.

- Tăng cường CBCNV ở tất cả các bộ phận để phục vụ việc sửa chữa, xử lý đường hầm, gia cố mái chính diện và trung tu các tổ máy.

- Tăng cường công tác quản lý, theo dõi, giám sát vận hành các công trình thủy công, đặc biệt đường hầm dẫn nước.

3. Công tác Thị trường điện:

- Bám sát theo dõi công tác vận hành Thị trường điện thông qua theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí hậu thủy văn của khu vực A Lưới cũng như của hệ thống, theo dõi biến động giá thị trường để xây dựng các kịch bản chào giá hợp lý tăng doanh thu.

- Chủ động tính toán Qc dự kiến hàng tuần để có đề xuất với A0 tính toán giao Qc theo đúng quy định.

- Chuẩn bị đầy đủ các thông tin cần thiết, các cơ sở pháp lý để làm việc với EPTC đàm phán về hệ số tỷ lệ điện năng thanh toán theo giá hợp đồng theo hướng có lợi cho Công ty khi EPTC có yêu cầu ký bổ sung PLHD.

- Đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT vào hoạt động Thị trường điện: Bổ sung nâng cấp phần mềm theo dõi số liệu sản xuất kinh doanh điện năng nhằm mục đích cung cấp số liệu kịp thời, đầy đủ của 02 nhà máy A Lưới và Cư Jut để phục vụ theo dõi vận hành và điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Bố trí cho các thành viên của Tổ TTD tham gia các lớp đào tạo về Thị trường bán buôn, bán lẻ do Cục điều tiết, A0 tổ chức. Tìm hiểu học tập kinh nghiệm các đơn vị đang tham gia vận hành thị trường bán buôn để chủ động hội nhập khi Công ty tham gia thị trường bán buôn, bán lẻ.

4. Giải pháp tài chính:

- Về dòng tiền đảm bảo cho hoạt động của công ty: quan tâm, đôn đốc công tác thanh toán tiền điện nhanh chóng, kịp thời. Công ty sẽ làm việc với các tổ chức tín dụng vay ngắn hạn để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động SXKD (nếu dòng tiền bị thiếu hụt)

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn: Định kỳ cân đối dòng tiền nhân rồi đề xuất gửi có kỳ hạn để đem lại hiệu quả doanh thu hoạt động tài chính.

- Quản lý hàng tồn kho: Duy trì giá trị hàng tồn kho phù hợp đảm bảo nhu cầu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của 2 nhà máy.

- Khả năng thanh toán: Duy trì hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) trong từng giai đoạn với hệ số lớn hơn hoặc bằng 1 ($>$ or $=1$) để đảm bảo rằng tình hình tài chính doanh nghiệp trong từng giai đoạn tốt, Công ty không gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

5. Giải pháp tăng doanh thu, lợi nhuận:

- Tối ưu nguồn nước hồ chứa A Lưới, hạn chế xả thừa để tăng sản lượng phát điện.

- Theo dõi, giám sát thực hiện hợp đồng I REC để có doanh thu.

- Tối ưu hóa chi phí và kiểm soát chặt chẽ chi phí.

6. Quản trị rủi ro:

- Quản trị rủi ro các nghiệp vụ theo quy trình: Nhận diện các rủi ro nghiệp vụ chính và thực hiện việc lập đánh giá định kỳ, thực hiện cải tiến để hạn chế các rủi ro xảy ra cho các nghiệp vụ chính trong công ty, hạn chế việc tổn thất con người, thiết bị và chi phí cũng như ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty.

- Quản trị rủi ro về vốn: Duy trì số dư nguồn vốn & nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông.

- Quản trị rủi ro về lãi suất: Thường xuyên phân tích, dự báo lãi suất vay trong tương lai. Ước ảnh hưởng của lãi suất vay trong tương lai đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có quyết định trả trước nợ gốc hoặc xin thương lượng, đàm phán lãi suất...

7. Quản trị nguồn nhân lực, văn hóa doanh nghiệp:

- Tiếp tục cải thiện hiệu suất làm việc bằng nâng cao chất lượng nhân viên, chất lượng quản lý công việc, đầu tư nâng cấp hạ tầng kết nối số.

- Chính sách đào tạo nâng cấp trình độ cán bộ quản lý và chuyên gia để bắt kịp yêu cầu quản trị nhân sự hiện đại.

8. Ứng dụng công nghệ chuyển đổi số:

- Tiếp tục duy trì, bổ sung nhân lực nhằm nắm bắt công nghệ để đáp ứng được yêu cầu càng cao của hệ thống CNTT ngành điện phục vụ phát điện. Xây dựng đội ngũ tham gia thị trường điện có trình độ CNTT cao, có tính liên kết giữa các công tác chuyên môn thị trường điện và CNTT.

- Tiếp tục ứng dụng CNTT vào công tác giám sát vận hành công trình thủy công, hoàn thành xây dựng triển khai hệ thống giám sát thủy văn (đo mưa, mực nước, thông số đập tràn...) tại nhà máy A Lưới.

Trên đây là báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020, mục tiêu và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của Quý vị Đại biểu, Quý Cổ đông.

Kính chúc Quý Cổ đông mạnh khỏe và thành đạt.

Xin chân thành cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Công Giới



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở Hợp đồng số 5852CP/ĐL2-ĐL3-XLĐ1-ĐLHN/2004 ngày 30/11/2004 giữa 4 đơn vị: Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam, góp 30% vốn điều lệ), Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, góp 30% vốn điều lệ), Công ty Điện lực Hà Nội (nay là Tổng Công ty Điện lực Hà Nội, góp 20% vốn điều lệ), Công ty Xây lắp Điện 1 (góp 20% vốn điều lệ). Đến ngày 24/11/2005, Đại hội đồng cổ đông đã chấp nhận cho Công ty Xây lắp Điện 1 rút khỏi tư cách cổ đông sáng lập theo Nghị Quyết số 01/2005-CP/ĐHĐCĐSL, đồng thời Đại hội đồng cổ đông đã đồng ý cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam trở thành cổ đông sáng lập từ ngày 18/03/2006 theo Nghị Quyết số 01/2006-CP/ĐHĐCĐSL (góp 20% vốn điều lệ). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000503 ngày 13/12/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 0400477830), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 08 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (lần thứ 01: ngày 28/9/2005, lần thứ 02: 14/3/2007, lần thứ 03: 05/05/2008, lần thứ 04: 02/06/2015; lần thứ 05: 09/07/2015; lần thứ 06: 28/04/2017; lần thứ 07: 10/08/2018; lần thứ 08: 29/09/2020).

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 330/QĐ-SGDHCM ngày 10/08/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán CHP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 29/09/2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.469.126.680.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020: 1.469.126.680.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đà Nẵng, P. An Hải Bắc, Q.Sơn Trà, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.
- Số điện thoại: 0236.3959110
- Số fax: 0236.3935960
- Website: www.chp.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất điện. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; nhà máy năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Phân phối điện;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp. Chi tiết: Trồng rừng (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Xây lắp công trình đường dây, trạm biến thế điện; Xây lắp công trình điện năng lượng mặt trời, điện năng lượng gió;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình điện; Tư vấn quản lý dự án các công trình thủy điện; nhà máy điện năng lượng mặt trời; nhà máy điện năng lượng gió;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn và thiết kế lưới điện, hệ thống điện chiếu sáng; Tư vấn giám sát xây dựng công trình ngầm; Tư vấn giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình năng lượng; Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì các nhà máy điện và các công trình công nghiệp; Tư vấn, giám sát thi công các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình đường dây và trạm biến áp, công trình nhà máy điện năng lượng mặt trời, nhà máy điện năng lượng gió;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng (Địa điểm ngoài địa bàn thành phố);
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, kinh doanh nhà và cho thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh karaoke, quán bar, vũ trường);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ thí nghiệm điện và hóa dầu phục vụ công nghiệp điện năng và các lĩnh vực liên quan; dịch vụ thử nghiệm, hiệu chuẩn thiết bị cơ, điện, không điện (áp lực, nhiệt độ, lưu lượng, tốc độ, thời gian, hàm lượng khí, hành trình, trọng lượng) trong nhà máy điện, trạm biến áp và công trình/nhà máy công nghiệp; dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện và trang bị an toàn điện;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Đào tạo nghề sửa chữa, vận hành nhà máy thủy điện, nhà máy điện năng lượng mặt trời, năng lượng gió, đường dây và trạm biến áp;
- Khai thác gỗ. Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng (gỗ có nguồn gốc hợp pháp và không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện và phụ kiện điện;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thiết bị cơ khí.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 125 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 4 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Hồ Quốc Việt	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 16/06/2020
• Ông Trương Công Giới	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 16/06/2020
• Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 16/06/2020
• Ông Nguyễn Hữu Phương	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm lại ngày 16/06/2020
• Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm lại ngày 16/06/2020
• Ông Nguyễn Viết Pa Sa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/06/2020
• Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/06/2020
• Ông Nguyễn Lương Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/05/2018 Miễn nhiệm ngày 16/06/2020
• Ông Huỳnh Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/05/2018 Miễn nhiệm ngày 16/06/2020

Ban Kiểm soát

• Ông Trịnh Quang Việt	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 16/06/2020
• Ông Phạm Viết Thiên	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 16/06/2020
• Bà Vũ Thị Luyến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/06/2020
• Ông Trần Quốc Văn Chương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/06/2020
• Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2016 Miễn nhiệm ngày 16/06/2020
• Ông Lê Văn Diễn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2019 Miễn nhiệm ngày 16/06/2020

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Trương Công Giới	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/12/2019
• Ông Lâm Uyên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/12/2019
• Ông Lê Quý Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2018
• Ông Huỳnh Mai	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 01/12/2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *naib*
Tổng Giám đốc
Trương Công Giới
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 231/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 15/03/2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC


Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2021



Nguyễn Thị Nhật Oanh – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4031-2017-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		454.438.701.091	352.788.117.545
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	269.707.837.090	179.174.174.566
1. Tiền	111		151.707.837.090	179.174.174.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		118.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		177.103.429.373	144.498.830.659
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	175.910.234.667	142.177.150.477
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	440.039.621	1.460.986.635
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	753.155.085	860.693.547
IV. Hàng tồn kho	140	9	7.450.321.030	8.902.003.669
1. Hàng tồn kho	141		7.450.321.030	8.902.003.669
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		177.113.598	20.213.108.651
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		169.545.161	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	18.137.002.542
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	7.568.437	2.076.106.109
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.078.326.022.516	3.258.884.793.440
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.783.206.250.170	2.989.774.549.867
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.782.915.184.930	2.989.453.926.537
- Nguyên giá	222		4.219.291.744.957	4.212.091.696.647
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.436.376.560.027)	(1.222.637.770.110)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	291.065.240	320.623.330
- Nguyên giá	228		921.064.674	746.739.674
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(629.999.434)	(426.116.344)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		234.366.305.028	201.609.737.937
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	234.366.305.028	201.609.737.937
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		60.753.467.318	67.500.505.636
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	29.472.788.480	38.221.155.740
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		31.280.678.838	29.279.349.896
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.532.764.723.607	3.611.672.910.985

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.638.902.933.324	1.847.430.100.115
I. Nợ ngắn hạn	310		376.922.719.745	441.506.514.704
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	32.574.068.067	145.911.291.354
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	259.657.099	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	50.895.349.946	24.180.769.491
4. Phải trả người lao động	314		12.408.310.605	6.542.039.858
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.902.574.442	6.494.638.986
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	25.286.895.025	53.599.285.679
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	249.546.267.372	204.778.489.336
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		49.597.189	-
II. Nợ dài hạn	330		1.261.980.213.579	1.405.923.585.411
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.b	1.261.980.213.579	1.405.923.585.411
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.893.861.790.283	1.764.242.810.870
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.893.861.790.283	1.764.242.810.870
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	1.469.126.680.000	1.385.985.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.469.126.680.000	1.385.985.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	87.643.379.202	66.037.897.353
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	20	33.018.948.676	33.018.948.676
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	304.072.782.405	279.200.914.841
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.700.721.523	63.146.096.348
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		278.372.060.882	216.054.818.493
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.532.764.723.607	3.611.672.910.985


Trưởng Công Giám đốc

Trương Công Giới
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng


Huỳnh Mai



Người lập biểu


Hoàng Thị Thanh Hiền

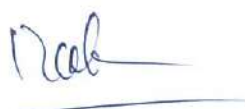
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	830.524.857.602	713.535.772.923
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		830.524.857.602	713.535.772.923
4. Giá vốn hàng bán	11	22	372.814.524.716	330.413.012.063
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		457.710.332.886	383.122.760.860
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	7.626.935.370	3.691.820.955
7. Chi phí tài chính	22	24	137.041.286.357	129.622.646.264
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>136.863.800.120</i>	<i>128.481.621.489</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	37.447.429.766	32.318.543.792
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		290.848.552.133	224.873.391.759
11. Thu nhập khác	31	26	661.630.591	1.928.672.994
12. Chi phí khác	32	27	677.439.567	88.284.572
13. Lợi nhuận khác	40		(15.808.976)	1.840.388.422
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		290.832.743.157	226.713.780.181
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	12.460.682.275	10.658.961.688
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		278.372.060.882	216.054.818.493
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.895	1.402
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	1.895	1.402


Tổng Giám đốc

Trương Công Giới
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng



Huỳnh Mai

Người lập biểu



Hoàng Thị Thanh Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		290.832.743.157	226.713.780.181
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10,11	213.942.673.007	195.459.693.285
- Các khoản dự phòng	03		-	(34.857.913)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		88.560.565	(96.565.657)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(4.840.337.703)	(2.647.696.174)
- Chi phí lãi vay	06	24	136.863.800.120	128.481.621.489
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		636.887.439.146	547.875.975.211
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.587.067.199)	124.030.513.088
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	(549.646.303)	999.035.642
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		25.800.471.935	5.598.685.845
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13	8.578.822.099	13.602.152.899
- Tiền lãi vay đã trả	14	17,24	(137.455.864.664)	(121.986.982.503)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(7.732.532.429)	(8.251.763.001)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10.104.979.280)	(7.723.768.689)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		502.836.643.305	554.143.848.492
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	10,11,12	(152.136.695.818)	(839.638.460.463)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	6.500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,23	4.465.296.607	2.897.723.570
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(147.671.399.211)	(830.240.736.893)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	19	105.996.674.803	762.678.584.413
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(205.172.268.599)	(131.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18,20c	(165.442.842.400)	(177.348.772.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(264.618.436.196)	454.329.811.613
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		90.546.807.898	178.232.923.212
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	179.174.174.566	918.953.038
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(13.145.374)	22.298.316
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	269.707.837.090	179.174.174.566



Tổng Giám đốc

Trương Công Giới

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Huỳnh Mai

Người lập biểu

Hoàng Thị Thanh Hiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở Hợp đồng số 5852CP/ĐL2-ĐL3-XLĐ1-ĐLHN/2004 ngày 30/11/2004 giữa 4 đơn vị: Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam, góp 30% vốn điều lệ), Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, góp 30% vốn điều lệ), Công ty Điện lực Hà Nội (nay là Tổng Công ty Điện lực Hà Nội, góp 20% vốn điều lệ), Công ty Xây lắp Điện 1 (góp 20% vốn điều lệ). Đến ngày 24/11/2005, Đại hội đồng cổ đông đã chấp nhận cho Công ty Xây lắp Điện 1 rút khỏi tư cách cổ đông sáng lập theo Nghị Quyết số 01/2005-CP/ĐHĐCĐSL, đồng thời Đại hội đồng cổ đông đã đồng ý cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam trở thành cổ đông sáng lập từ ngày 18/03/2006 theo Nghị Quyết số 01/2006-CP/ĐHĐCĐSL (góp 20% vốn điều lệ). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000503 ngày 13/12/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 0400477830), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (lần thứ 01: ngày 28/9/2005, lần thứ 02: 14/3/2007, lần thứ 03: 05/05/2008, lần thứ 04: 02/06/2015; lần thứ 05: 09/07/2015; lần thứ 06: 28/04/2017; lần thứ 07: 10/08/2018; lần thứ 08: 29/09/2020).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất điện. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; nhà máy năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Phân phối điện;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp. Chi tiết: Trồng rừng (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Xây lắp công trình đường dây, trạm biến thế điện; Xây lắp công trình điện năng lượng mặt trời, điện năng lượng gió;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình điện; Tư vấn quản lý dự án các công trình thủy điện; nhà máy điện năng lượng mặt trời; nhà máy điện năng lượng gió;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn và thiết kế lưới điện, hệ thống điện chiếu sáng; Tư vấn giám sát xây dựng công trình ngầm; Tư vấn giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình năng lượng; Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì các nhà máy điện và các công trình công nghiệp; Tư vấn, giám sát thi công các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình đường dây và trạm biến áp, công trình nhà máy điện năng lượng mặt trời, nhà máy điện năng lượng gió;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng (Địa điểm ngoài địa bàn thành phố);
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, kinh doanh nhà và cho thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh karaoke, quán bar, vũ trường);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ thí nghiệm điện và hóa dầu phục vụ công nghiệp điện năng và các lĩnh vực liên quan; dịch vụ thử nghiệm, hiệu chuẩn thiết bị cơ, điện, không điện (áp lực, nhiệt độ, lưu lượng, tốc độ, thời gian, hàm lượng khí, hành trình, trọng lượng) trong nhà máy điện, trạm biến áp và công trình/nhà máy công nghiệp; dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện và trang bị an toàn điện;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Đào tạo nghề sửa chữa, vận hành nhà máy thủy điện, nhà máy điện năng lượng mặt trời, năng lượng gió, đường dây và trạm biến áp;
- Khai thác gỗ. Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng (gỗ có nguồn gốc hợp pháp và không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện và phụ kiện điện;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thiết bị cơ khí.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 02 chi nhánh là Nhà máy Thủy điện A Lưới và Nhà máy Điện Mặt trời Cư Jút.

- ✓ Nhà máy thủy điện A Lưới, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế có công suất 170MW, điện lượng bình quân năm 649 triệu KWh/năm. Dự án được khởi công từ năm 2007 và đã vận hành phát điện vào tháng 5/2012.
- ✓ Nhà máy điện mặt trời Cư Jút, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông có công suất là 50MWac (công suất lắp đặt khoảng 61,926 MWp), điện lượng bình quân năm 94,71 triệu kWh/năm. Dự án được xây dựng trên diện tích đất khoảng 62 hecta tại thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Dự án được triển khai vào tháng 06/2017 và chính thức phát điện thương mại vào ngày 20/04/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Với ưu điểm là sử dụng năng lượng sạch để sản xuất điện năng, không phát thải khí nhà kính, không gây ô nhiễm môi trường, nhà máy điện mặt trời Cư Jút là dự án phù hợp với chủ trương của Chính Phủ nói chung và của tỉnh Đắk Nông nói riêng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho địa phương và đất nước. Nhà máy điện mặt trời Cư Jút góp phần tạo ra công ăn việc làm cho địa phương. Ngoài ra nhà máy điện mặt trời sẽ là một địa điểm nổi bật, tạo cảnh quan mới lạ, thu hút khách du lịch, góp phần vào chính sách phát triển chung của tỉnh Đắk Nông.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc vật tư, thiết bị: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Chi phí thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê đất là 39 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến các khoản lãi vay phải trả.

4.10 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính phát sinh trong kỳ tại Công ty là chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Thủy điện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2012 đến năm 2026); miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2013 là năm đầu tiên công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2013 đến năm 2016 và giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2017 đến 2025;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Điện Mặt trời Cù - Jút, Tỉnh Đắk Nông áp dụng mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2019 đến năm 2033); miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2019 là năm đầu tiên công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2019 đến năm 2022 và giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2023 đến 2031;
- ✓ Hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Tiền thuê đất:
 - ✓ Tiền thuê đất tại Nhà máy Thủy điện A Lưới: Miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định tại Điều 19, Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ.
 - ✓ Tiền thuê đất tại Nhà máy Điện mặt trời Cù Jút: Miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định tại Điều 19, Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ.
- Miễn thuế hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	176.550.000	355.296.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	151.531.287.090	178.818.878.566
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	118.000.000.000	-
Cộng	269.707.837.090	179.174.174.566

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Mua bán điện (bên liên quan)	175.874.469.214	142.177.150.477
Các đối tượng khác	35.765.453	-
Cộng	175.910.234.667	142.177.150.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Thanh Tín	48.938.704	48.938.704
Vietravel Chi nhánh Quảng Ngãi	178.670.000	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Điện Năng	92.463.800	-
Công ty TNHH Quản lý IQ Verify Việt Nam	43.200.000	-
Các đối tượng khác	76.767.117	1.412.047.931
Cộng	440.039.621	1.460.986.635

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	375.041.096	-	-	-
Tạm ứng	307.625.000	-	272.598.000	-
Phải thu khác	70.488.989	-	588.095.547	-
Cộng	753.155.085	-	860.693.547	-

9. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.143.519.342	-	8.565.331.762	-
Công cụ, dụng cụ	298.636.234	-	336.671.907	-
Chi phí SX, KD dở dang	8.165.454	-	-	-
Cộng	7.450.321.030	-	8.902.003.669	-

Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.940.923.749.044	2.260.976.150.772	6.417.102.353	1.914.215.488	1.860.478.990	4.212.091.696.647
Mua sắm trong năm	-	6.280.585.718	-	344.258.091	-	6.624.843.809
Đ/tư XDCB h/thành	575.204.501	-	-	-	-	575.204.501
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.941.498.953.545	2.267.256.736.490	6.417.102.353	2.258.473.579	1.860.478.990	4.219.291.744.957
Khấu hao						
Số đầu năm	489.457.423.106	725.682.901.665	6.037.205.757	929.418.126	530.821.456	1.222.637.770.110
Khấu hao trong năm	71.278.312.025	141.481.478.167	303.399.311	382.822.026	292.778.388	213.738.789.917
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	560.735.735.131	867.164.379.832	6.340.605.068	1.312.240.152	823.599.844	1.436.376.560.027
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.451.466.325.938	1.535.293.249.107	379.896.596	984.797.362	1.329.657.534	2.989.453.926.537
Số cuối năm	1.380.763.218.414	1.400.092.356.658	76.497.285	946.233.427	1.036.879.146	2.782.915.184.930

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 10.803.926.873 đồng.

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay là 2.760.173.700.479 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	711.739.674	35.000.000	746.739.674
Mua trong năm	174.325.000	-	174.325.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	886.064.674	35.000.000	921.064.674
Khấu hao			
Số đầu năm	398.894.128	27.222.216	426.116.344
Khấu hao trong năm	196.105.306	7.777.784	203.883.090
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	594.999.434	35.000.000	629.999.434
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	312.845.546	7.777.784	320.623.330
Số cuối năm	291.065.240	-	291.065.240

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 236.739.674 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
Dự án điện mặt trời Cù Jút	234.346.505.028	200.365.451.345
Chi phí xây dựng cơ bản khác	19.800.000	1.244.286.592
Cộng	234.366.305.028	201.609.737.937

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.206.579.869	3.960.707.519
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	26.084.706.586	33.242.611.506
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp An Đồn (i)	975.279.087	1.017.836.715
Chi phí khác	1.206.222.938	-
Cộng	29.472.788.480	38.221.155.740

(i) Là chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng từ ngày 14/7/2005 đến 21/9/2043 (39 năm) với diện tích 4.000 m² để xây dựng Văn phòng làm việc theo Hợp đồng số 44/HĐ-TLĐ ngày 14/07/2005 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung và Công ty TNHH Massda Land.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	17.239.683.687	17.562.930.724
Công ty Cổ phần SBTECH	5.293.054.928	5.293.054.928
Các đối tượng khác	10.041.329.452	123.055.305.702
Cộng	32.574.068.067	145.911.291.354

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Tư vấn Năng lượng VATEC	259.657.099	-
Cộng	259.657.099	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	58.056.518.857	44.302.999.688	-	13.753.519.169
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.505.882.587	12.460.682.275	7.732.532.429	-	12.234.032.433
Thuế thu nhập cá nhân	-	228.203.016	3.288.218.363	3.294.534.635	-	221.886.744
Thuế tài nguyên	-	7.899.770.528	55.692.870.607	52.014.355.563	-	11.578.285.572
Thuế nhà thầu	2.076.106.109	-	47.375.699	(2.021.161.973)	7.568.437	-
Phí và lệ phí	-	8.546.913.360	30.324.846.587	25.764.133.919	-	13.107.626.028
Cộng	2.076.106.109	24.180.769.491	159.870.512.388	131.087.394.261	7.568.437	50.895.349.946

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí lãi vay dự trả	5.902.574.442	6.494.638.986
Cộng	5.902.574.442	6.494.638.986

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	-	131.391.942
Phải trả khác	25.286.895.025	53.467.893.737
- Cổ tức phải trả	24.824.193.750	51.668.531.150
- Phải trả khác	462.701.275	1.799.362.587
Cộng	25.286.895.025	53.599.285.679

19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả	204.778.489.336	249.940.046.635	205.172.268.599	249.546.267.372
- Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị	127.503.000.000	127.503.000.000	127.503.000.000	127.503.000.000
- Ngân hàng NN và PTNT - CN Sài Gòn	51.000.000.000	52.000.000.000	51.000.000.000	52.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Yên	-	33.750.000.000	-	33.750.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	26.275.489.336	36.687.046.635	26.669.268.599	36.293.267.372
Cộng	204.778.489.336	249.940.046.635	205.172.268.599	249.546.267.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
- Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị (i)	765.023.490.334	-	127.503.000.000	637.520.490.334
- Ngân hàng NN và PTNT - CN Sài Gòn (ii)	103.000.000.000	-	51.000.000.000	52.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Phú Yên (iii)	447.079.329.365	2.920.670.635	-	450.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN Bến Thành (iv)	295.599.255.048	103.076.004.168	26.669.268.599	372.005.990.617
Cộng	1.610.702.074.747	105.996.674.803	205.172.268.599	1.511.526.480.951
Trong đó				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	204.778.489.336			249.546.267.372
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.405.923.585.411			1.261.980.213.579

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 06/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 15/9/2008 và các Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung (lần 9 số 06/SĐ09/2018/HĐTĐĐT-NHPT ngày 5/12/2018) để đầu tư Dự án thủy điện A Lưới. Theo đó, tổng hạn mức vay: 1.656.091.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án Thủy điện A Lưới, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế, thời hạn vay tối đa: 204 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (25/12/2008), kỳ trả nợ cuối cùng chậm nhất là vào ngày 25/12/2025, lãi suất của Hợp đồng được phân chia theo từng hạng mục của công trình với các mức lãi suất tại thời điểm 31/12/2020 là 6,9%/năm, 8,4%/năm và 8,55%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 1600-LAV-200800752 ngày 30/9/2008 để thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng và các chi phí khác có liên quan đến việc đầu tư Dự án thủy điện A Lưới tại Tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, tổng hạn mức vay: 367.000.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án Thủy điện A Lưới, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế, thời hạn vay tối đa: 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (07/04/2009), lãi suất cho vay tại thời điểm 31/12/2020 là 8,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

(iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11741779/HĐTĐ ngày 01/11/2018 để tài trợ các chi phí hợp lý hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án "Nhà máy Điện Mặt trời Cư Jút" tại Thị trấn Ea T'ling, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông. Theo đó, tổng hạn mức vay: 450.000.000.000 đồng được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Dự án Điện Mặt trời Cư – Jút tại Tỉnh Đắk Nông. Thời gian ân hạn 24 tháng, thời hạn vay tối đa: 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay tại thời điểm 31/12/2020 là 9,3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

(iv) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Bến Thành theo Hợp đồng tín dụng số 27/2018/HĐTĐ/TTKHDNL MN2/01 ngày 01/11/2018 để thực hiện tạm ứng, thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư xây dựng dự án "Nhà máy Điện Mặt trời Cư Jút" tại Thị trấn Ea T'ling, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông. Theo đó, tổng hạn mức vay: 400.000.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án Điện Mặt trời Cư - Jút, thời hạn vay tối đa: 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay được tính bằng bình quân lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của các Ngân hàng Vietcombank, Viettinbank, BIDV và Agribank tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	1.385.985.050.000	66.037.897.353	33.018.948.676	275.838.469.671	1.760.880.365.700
Tăng trong năm	-	-	-	216.054.818.493	216.054.818.493
Giảm trong năm	-	-	-	212.692.373.323	212.692.373.323
Số dư tại 31/12/2019	<u>1.385.985.050.000</u>	<u>66.037.897.353</u>	<u>33.018.948.676</u>	<u>279.200.914.841</u>	<u>1.764.242.810.870</u>
Số dư tại 01/01/2020	1.385.985.050.000	66.037.897.353	33.018.948.676	279.200.914.841	1.764.242.810.870
Tăng trong năm	83.141.630.000	21.605.481.849	-	278.372.060.882	383.119.172.731
Giảm trong năm	-	-	-	253.500.193.318	253.500.193.318
Số dư tại 31/12/2020	<u>1.469.126.680.000</u>	<u>87.643.379.202</u>	<u>33.018.948.676</u>	<u>304.072.782.405</u>	<u>1.893.861.790.283</u>

b. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	146.912.668	138.598.505
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	146.912.668	138.598.505
- Cổ phiếu phổ thông	146.912.668	138.598.505
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	146.912.668	138.598.505
- Cổ phiếu phổ thông	146.912.668	138.598.505
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	279.200.914.841	275.838.469.671
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	278.372.060.882	216.054.818.493
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	253.500.193.318	212.692.373.323
- Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt	138.598.505.000	207.897.757.500
- Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	83.141.630.000	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	21.605.481.849	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10.154.576.469	4.794.615.823
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>304.072.782.405</u>	<u>279.200.914.841</u>

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-CHP-HĐCĐ ngày 16/06/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 16/06/2020 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2019 là 16%, trong đó 10% trả bằng tiền và 6% trả bằng cổ phiếu. Theo đó, Công ty đã thông báo ngày chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 10% (tương đương 138.598.505.000 đồng) vào ngày 07/07/2020, ngày thực hiện thanh toán cổ tức là 15/07/2020 và chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 6% (tương đương 83.141.630.000 đồng) vào ngày 14/08/2020.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán điện thương phẩm	828.919.900.724	713.366.211.928
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.604.956.878	169.560.995
Cộng	830.524.857.602	713.535.772.923

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn điện thương phẩm	371.518.595.153	330.355.379.063
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.295.929.563	57.633.000
Cộng	372.814.524.716	330.413.012.063

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi	4.840.337.703	2.647.696.174
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.786.597.667	1.044.124.781
Cộng	7.626.935.370	3.691.820.955

24. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	136.863.800.120	128.481.621.489
Lỗ chênh lệch tỷ giá	177.486.237	1.141.024.775
Cộng	137.041.286.357	129.622.646.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí tiền lương	24.783.164.652	18.593.690.308
Chi phí khấu hao	361.602.138	315.282.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.623.563.764	3.165.919.060
Các khoản khác	9.679.099.212	10.243.651.974
Cộng	37.447.429.766	32.318.543.792

26. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
Thu nhập từ bán đấu giá Lô dầu thải Turbinol	80.772.600	-
Doanh thu bán CDM từ dự án Thủy điện A Lưới	-	1.685.088.184
Tiền bồi thường bảo hiểm	576.920.645	205.127.509
Các khoản khác	3.937.346	38.457.301
Cộng	661.630.591	1.928.672.994

27. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí thẩm định gói thầu	237.669.000	74.422.000
Chi phí dự án điện mặt trời Ninh Thuận	428.280.911	-
Các khoản khác	11.489.656	13.862.572
Cộng	677.439.567	88.284.572

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	290.832.743.157	226.713.780.181
- Lợi nhuận của hoạt động SXKD chính	290.941.813.799	224.953.696.044
+ Lợi nhuận của hoạt động SXKD nhà máy A Lưới	247.272.648.967	203.547.416.471
+ Lợi nhuận của hoạt động SXKD nhà máy Cư Jút	43.669.164.832	21.406.279.573
- Lợi nhuận của hoạt động khác	(109.070.642)	1.760.084.137
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.291.578.691	2.809.622.720
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không được trừ)	1.291.578.691	2.809.622.720
+ Tại nhà máy A Lưới	657.482.300	2.591.437.535
+ Tại nhà máy Cư Jút	204.147.191	218.174.380
+ Các hoạt động khác	429.949.200	10.805
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	292.124.321.848	229.523.402.901
- Thu nhập chịu thuế của nhà máy A Lưới	247.930.131.267	206.138.854.006
- Thu nhập chịu thuế của nhà máy Cư Jút	43.873.312.023	21.624.453.953
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác	320.878.558	1.760.094.942
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.460.682.275	10.658.961.688
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	12.460.682.275	10.658.961.688
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-

29. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	278.372.060.882	216.054.818.493
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(10.154.576.469)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	10.154.576.469
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	278.372.060.882	205.900.242.024
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	146.912.668	146.912.668
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu (*)	1.895	1.402

(*) Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được tính theo lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên chưa quy định cụ thể tỷ lệ trích các quỹ này). Căn cứ vào kết quả kinh doanh cuối năm, Hội đồng quản trị sẽ dự kiến trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.531.204.789	3.278.828.742
Chi phí nhân công	48.925.122.484	38.864.500.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định	213.942.673.007	195.459.693.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.233.256.502	8.469.323.413
Chi phí khác bằng tiền	133.629.697.700	116.694.068.239
Cộng	410.261.954.482	362.766.413.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***31. Báo cáo bộ phận**

Khu vực địa lý	Văn phòng		Huyện A Lưới		Huyện Cư Jút		Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Cho năm tài chính								
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.604.956.878	175.608.751	632.522.642.665	589.672.919.362	196.397.258.059	123.687.244.810	830.524.857.602	713.535.772.923
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Giá vốn	1.295.929.563	57.633.000	297.663.166.938	282.480.938.613	73.855.428.215	47.874.440.450	372.814.524.716	330.413.012.063
Doanh thu tài chính	9.358.799	17.892	3.688.355.948	2.308.965.758	3.929.220.623	1.382.837.305	7.626.935.370	3.691.820.955
Chi phí tài chính	30.438	180.062	62.611.330.650	77.219.640.421	74.429.925.269	52.402.825.781	137.041.286.357	129.622.646.264
Chi phí quản lý doanh nghiệp	72.365.697	177.883	28.519.733.058	28.726.702.089	8.855.331.011	3.591.663.820	37.447.429.766	32.318.543.792
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	245.989.979	117.635.699	247.416.767.967	203.554.603.996	43.185.794.187	21.201.152.064	290.848.552.133	224.873.391.759
Thu nhập khác	564.015	-	84.145.931	1.705.363.665	576.920.645	223.309.329	661.630.591	1.928.672.994
Chi phí khác	428.280.911	1.066.980	155.608.656	63.917.392	93.550.000	23.300.000	677.439.567	88.284.572
Lợi nhuận khác	(427.716.896)	(1.066.980)	(71.462.725)	1.641.446.073	483.370.645	200.009.329	(15.808.976)	1.840.388.422
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(181.726.917)	116.568.719	247.345.305.242	205.196.050.069	43.669.164.832	21.401.161.393	290.832.743.157	226.713.780.181
Chi phí thuế TNDN hiện hành	49.644.457	22.292.268	12.411.037.818	10.636.669.420	-	-	12.460.682.275	10.658.961.688
Lợi nhuận sau thuế trong năm	(231.371.374)	94.276.451	234.934.267.424	194.559.380.649	43.669.164.832	21.401.161.393	278.372.060.882	216.054.818.493
Tại ngày 31/12								
Tài sản cố định hữu hình	3.540.494.363	3.633.922.681	1.952.426.269.606	2.103.484.753.032	826.948.420.961	882.335.250.824	2.782.915.184.930	2.989.453.926.537
- Nguyên giá	7.491.122.252	7.318.849.524	3.285.582.476.646	3.281.726.922.603	926.218.146.039	923.045.924.520	4.219.291.744.937	4.212.091.696.647
- Giá trị hao mòn	(3.950.627.889)	(3.684.926.843)	(1.333.156.207.040)	(1.178.242.169.571)	(99.269.725.098)	(40.710.673.696)	(1.436.376.560.027)	(1.222.637.770.110)
Tài sản cố định vô hình	61.111.125	157.012.217	229.954.115	163.611.113	-	-	291.065.240	320.623.330
- Nguyên giá	436.739.674	436.739.674	484.325.000	310.000.000	-	-	921.064.674	746.739.674
- Giá trị hao mòn	(375.628.549)	(279.727.457)	(254.370.885)	(146.388.887)	-	-	(629.999.434)	(426.116.344)
Phải thu khách hàng	-	-	150.780.242.894	108.318.069.805	25.129.991.773	33.859.080.672	175.910.234.667	142.177.150.477
Phải trả người bán	471.397.157	429.384.025	28.417.194.146	25.686.621.837	3.685.476.764	119.795.285.492	32.574.068.067	145.911.291.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để đưa ra các quyết định về lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng đồng thời vẫn kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được, ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua tài sản có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
Tài sản tài chính		
Tiền		
- USD	117,88	132,84
- EUR	1.128,64	66.128,64
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán (USD)	-	3.493.497,69

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng tại Công ty chủ yếu liên quan đến nợ phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng. Với đặc thù sản xuất điện tại Việt Nam, khách hàng lớn nhất của công ty là Công ty Mua bán điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Tiền gửi ngắn hạn của Công ty chủ yếu tại các ngân hàng lớn, có uy tín (Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Huế, Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Bến Thành...).

Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng của công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	32.574.068.067	-	32.574.068.067
Chi phí phải trả	5.902.574.442	-	5.902.574.442
Vay và nợ thuê tài chính	249.546.267.372	1.261.980.213.579	1.511.526.480.951
Phải trả khác	25.286.895.025	-	25.286.895.025
Cộng	313.309.804.906	1.261.980.213.579	1.575.290.018.485
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	145.911.291.354	-	145.911.291.354
Chi phí phải trả	6.494.638.986	-	6.494.638.986
Vay và nợ thuê tài chính	204.778.489.336	1.405.923.585.411	1.610.702.074.747
Phải trả khác	53.467.893.737	-	53.467.893.737
Cộng	410.652.313.413	1.405.923.585.411	1.816.575.898.824

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả của Công ty gắn liền với dự án Điện mặt trời Cư Jút được chính thức vận hành thương mại vào ngày 20/04/2019. Tại thời điểm 31/12/2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	269.707.837.090	-	269.707.837.090
Phải thu khách hàng	175.910.234.667	-	175.910.234.667
Phải thu khác	445.530.085	-	445.530.085
Cộng	446.063.601.842	-	446.063.601.842

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.174.174.566	-	179.174.174.566
Phải thu khách hàng	142.177.150.477	-	142.177.150.477
Phải thu khác	588.095.547	-	588.095.547
Cộng	321.939.420.590	-	321.939.420.590

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVNCPC)	Cổ đông lớn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện Lực Việt Nam (EVN)	Chung Công ty mẹ (EVN) của cổ đông lớn

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:

	Giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
Công ty Mua bán điện	Bán điện	828.729.069.135	713.360.164.172

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2020	Năm 2019
Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương	2.291.024.560	1.958.584.551
Hội đồng quản trị	Thù lao	792.000.000	1.685.650.000
Ban Kiểm soát	Thù lao, tiền lương	864.000.000	894.130.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Vào lúc 08 giờ 40 phút ngày 01/01/2021, Nhà máy Thủy điện A Lưới đang vận phát điện với công suất 20MW (02 tổ máy/mỗi tổ 10MW) thì xuất hiện sự cố xuất lộ nước từ đường hầm tại cơ 177 trên mái chính điện nhà máy. Ngay khi phát hiện sự cố, Nhà máy Thủy điện A Lưới đã thông báo đến Trung tâm hệ thống điện Quốc gia (A0), thực hiện dừng phát điện toàn bộ các tổ máy và cắt điện khẩn cấp. Hiện nay Công ty đang khắc phục sự cố để phát điện lại trong thời gian sớm nhất.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.


Tổng Giám đốc

Trương Công Giới

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng



Huỳnh Mai

Người lập biểu



Hoàng Thị Thanh Hiền



Số: 20/BC-EVNCHP-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung kính báo cáo toàn thể quý vị cổ đông về hoạt động của HĐQT năm 2020 như sau:

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2020:

Trong năm 2020 vừa qua, Hội đồng quản trị đã cùng với Ban Điều hành Công ty nỗ lực, chỉ đạo điều hành với quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội cổ đông giao, ngay từ đầu năm Công ty đã triển khai các công việc đồng bộ vừa vận hành đảm bảo an toàn, vừa chủ động trong công tác tiêu thụ, sửa chữa thường xuyên, xây dựng kịch bản ứng phó, điều tiết thủy văn đúng quy trình, khoa học, hợp lý, qua đó nâng cao hiệu quả vận hành phát điện và hạn chế thiệt hại trong các đợt bão lũ. Do đó kết quả sản xuất năm 2020 khá khả quan, các chỉ tiêu Doanh thu, Lợi nhuận vượt kế hoạch. Cụ thể doanh thu 836 tỷ đồng đạt 108% kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế 278 tỷ đồng đạt 126% kế hoạch.

Trong công tác vận hành, Công ty đã tổ chức thực hiện tốt về an toàn vệ sinh lao động, không để xảy ra tai nạn lao động, và tuân thủ đầy đủ các quy định Nhà nước về vận hành thủy điện, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn...

Đối với công tác đầu tư xây dựng Nhà máy điện mặt trời Cư Jút:

Đã hoàn thành công tác quyết toán dự án nhà máy điện mặt trời Cư Jút, đơn vị Kiểm toán đã phát hành báo cáo Tổng giá trị quyết toán dự án hoàn thành nhà máy điện mặt trời Cư Jút là 1.270,429 tỷ đồng.

Đối với công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật năm 2020:

Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật năm 2020 tiếp tục được đẩy mạnh, đã có 14 sáng kiến được cấp Công ty công nhận. Các sáng kiến đã được đưa vào ứng dụng và mang lại lợi ích thiết thực trong công tác vận hành nhà máy thủy điện A Lưới và nhà máy Cư Jút.

2. Công tác xã hội

Quan tâm và có trách nhiệm với xã hội, môi trường hướng tới phát triển bền vững là một trong những tiêu chí quan trọng trong quá trình hoạt động của Công ty trong năm 2020. Trong năm qua Công ty đã thực hiện những hoạt động cụ thể:

Công ty thực hiện tốt công tác phụng dưỡng Mẹ VNAH. CBCNV đã đóng góp tiền lương của mình để hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, tặng quà cho các hộ dân bị ảnh

hưởng của dự án thủy điện A Lưới, ủng hộ các địa phương bị bão lũ và ủng hộ các Quỹ tương trợ xã hội với số tiền ủng hộ hơn 150 triệu đồng. Ngoài ra trong năm qua CBCNV đã tự nguyện đóng góp gần 200 triệu đồng hỗ trợ anh Trần Quang Hồ- Kỹ sư sửa chữa nhà máy thủy điện A Lưới bị bệnh nặng phải thay tim.

3.Những thành tích tiêu biểu, những mốc đáng nhớ trong năm 2020:

- Nhà máy A Lưới vận hành đạt 5 tỷ kWh điện
- Hoàn thành công tác kiểm tra nghiệm thu của Bộ Công thương đối với dự án điện mặt trời Cư Jút
- Hoàn thành công tác quyết toán dự án nhà máy điện mặt trời Cư Jút
- Công ty đã tổ chức vận hành an toàn 2 nhà máy
- Hoàn thành công tác xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại nhà máy Cư Jút và xin cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt nhà máy thủy điện A Lưới
- EVNCHP đã được VCCI và Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

II. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị:

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP thủy điện miền Trung năm 2020, mức thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương & thù lao Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

+ Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	: 10.800.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên HĐQT	: 9.200.000 đồng/người/tháng
+ Trưởng ban KS chuyên trách	: 48.000.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên BKS	: 8.000.000 đồng/ người/tháng

- Quỹ tiền thưởng của cán bộ quản lý công ty: được xác định theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016. Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc phân phối tiền thưởng của cán bộ quản lý.

Năm 2020, Công ty thực hiện chi trả thù lao HĐQT, tiền lương & thù lao BKS theo đúng Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 với số tiền là 1.656.000.000 đồng. Trích tiền thưởng cán bộ quản lý (theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016) là 682.000.000 đồng.

III. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên và 4 cuộc họp HĐQT. Ban kiểm soát, Ban Điều hành Công ty đều được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh và đảm bảo sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT đối với hoạt động của Công ty.

1. Nội dung của nghị quyết các cuộc họp HĐQT:

-Nội dung Nghị quyết số 01/2020/NQ-CHP-HĐQT ngày 25/2/2020:

+Họp HĐQT thường kỳ Quý I/2020

+Thông qua nội dung chương trình cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Giao cho Tiểu ban chuẩn bị Đại hội của Hội đồng quản trị rà soát bản dự thảo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và báo cáo HĐQT thông qua trước khi trình ĐHĐCĐ.

-Nội dung Nghị quyết số 02/2020/NQ-CHP-HĐQT ngày 8/4/2020:

Thông qua việc đề cử ứng viên tham gia ứng cử Thành viên độc lập Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung nhiệm kỳ 2020-2025 như sau:

+Ông Nguyễn Hữu Phương – TV Độc lập HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2015-2020

+Ông Nguyễn Hữu Tâm – TV Độc lập HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2015-2020

-Nội dung Nghị quyết số 03/2020/NQ-CHP-HĐQT ngày 4/6/2020:

+Họp HĐQT thường kỳ Quý II/2020

+Hội đồng quản trị thảo luận và thống nhất dự thảo các nội dung để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

-Nội dung Nghị quyết số 05/2020/NQ-CHP-HĐQT ngày 16/6/2020:

+ Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung kỳ họp đầu tiên sau khi Đại hội đồng cổ đông và thống nhất bầu ông Hồ Quốc Việt làm Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025.

-Nội dung Nghị quyết số 06/2020/NQ-CHP-HĐQT ngày 16/6/2020:

Bổ nhiệm lại Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung với thời hạn 5 năm (2020-2025).

-Nội dung Nghị quyết số 07/2020/NQ-CHP-HĐQT ngày 24/8/2020:

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 66/2020/TB-EVNCHP: Trang bị phương tiện vận chuyển phục vụ sản xuất.

-Nội dung Nghị quyết số 08/2020/NQ-CHP-HĐQT ngày 18/9/2020:

Thống nhất chủ trương đầu tư các dự án hệ thống điện mặt trời áp mái khu văn phòng Nhà máy điện mặt trời Cur Jút giai đoạn 2 và khu văn phòng A Co tại Nhà máy thủy điện A Lưới.

-Nội dung Nghị quyết số 09/2020/NQ-CHP-HĐQT ngày 11/11/2020:

+Họp HĐQT thường kỳ Quý III/2020

+Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty theo Tờ trình ngày 23/10/2020 của Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng.

-Nội dung sửa đổi: Điều 6 - Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT.

-Nội dung Nghị quyết số 10/2020/NQ-CHP-HĐQT ngày 31/12/2020:

Thông qua nội dung sửa đổi bổ sung của các hợp đồng: “Hợp đồng thế chấp Bất động sản” và “Văn bản sửa đổi bổ sung của Hợp đồng thế chấp Động sản và Quyền Tài sản”

2. Kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT:

Năm 2020 Công ty đã hoàn thành một số các nội dung công việc lớn theo kế hoạch đề ra:

-Điều hành đồng bộ các khâu từ công tác mua sắm cung ứng vật tư, nguyên nhiên liệu, quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, sửa chữa đảm bảo cho thiết bị vận hành ổn định, tin cậy, đáp ứng mọi chế độ vận hành của Điều độ hệ thống điện, khắc phục sự cố kịp thời.

-Hoàn thành công tác quyết dự án điện mặt trời CuJut đúng kế hoạch đề ra.

- Năm 2020 Công ty không xảy ra tai nạn lao động, sự cố chủ quan, công tác môi trường được đảm bảo.

IV. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của hội đồng quản trị:

1. Tổ chức các cuộc họp HĐQT:

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung cuộc họp được các Thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho công ty.

Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với chiến lược, kế hoạch kinh doanh đã được thông qua. Biên bản các cuộc họp HĐQT đã được lập đầy đủ có chữ ký của các Thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật.

2. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT:

Theo kế hoạch hoạt động của HĐQT, các công việc của HĐQT đã thực hiện năm 2020 tập trung theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ và tuân thủ Điều lệ Công ty.

Tất cả thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò của mình và đã đề xuất nhiều giải pháp và đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật. HĐQT cũng đã thực hiện tốt các chức năng định hướng phát triển của công ty, thông qua việc hoạch định, kiểm soát và điều chỉnh. Các quyết sách của Ban điều hành được phân tích, phản biện và tham vấn từ HĐQT nhằm có các giải pháp tối ưu cho lợi ích công ty.

V. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Các Tiểu ban của HĐQT hoạt động theo các trách nhiệm và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty đảm bảo tính độc lập và độ tin cậy trong các nội dung mà các Tiểu ban phụ trách. Cụ thể như sau:

*** Tiểu ban Chính sách phát triển:**

- Nghiên cứu và thẩm tra kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh ngắn hạn, dài

hạn của công ty;

- Xem xét, nghiên cứu và đánh giá các yếu tố, xu hướng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ năm trên cơ sở mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Thẩm tra kế hoạch đầu tư và xây dựng của công ty.

** Tiểu ban Quản lý tài chính, rủi ro:*

- Nghiên cứu chiến lược tài chính ngắn hạn và dài hạn của công ty;

- Thẩm tra ngân sách và kế hoạch dài hạn của công ty;

- Thẩm tra và đề xuất mức cổ tức;

- Giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính Công ty, năng lực và tính độc lập của kiểm toán độc lập.

** Tiểu ban Nhân sự và lương thưởng:*

- Thẩm tra và báo cáo HĐQT việc bổ nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định lương của họ; Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

- Thẩm tra chế độ và chính sách tiền lương tiền thưởng của Công ty;

VI. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành Công ty:

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2020 như sau:

- Thông qua các cuộc họp HĐQT và qua trao đổi bằng các phương tiện thông tin liên lạc, HĐQT luôn nắm rõ tình hình hoạt động của công ty, các quyết định, hoạt động, điều hành của Tổng giám đốc, HĐQT đã thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Điều hành để đưa ra các giải pháp, phương án để thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra.

- Tổng Giám đốc điều hành hoạt động Công ty luôn tuân thủ và bám sát Nghị quyết của HĐQT đã thông qua đúng phân cấp và thẩm quyền đã được quy định tại Điều lệ Công ty, đối với các sự việc phát sinh vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc đều thực hiện hợp trao đổi và xin ý kiến của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ để thực hiện.

- Quản lý vận hành Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhất nhằm đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và người lao động. Áp dụng các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty.

- Thực hiện công bố thông tin một cách đầy đủ chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho các cổ đông và cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

Năm 2020, Ban Điều hành đã điều hành Công ty đạt được những kết quả tốt, tiết kiệm chi phí, tuân thủ pháp luật và được người lao động trong Công ty tín nhiệm, quan hệ tốt với đối tác, với chính quyền nhiều địa phương. Hội đồng quản trị đánh giá Tổng giám đốc và các thành viên trong Ban Điều hành đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị một cách trung thực và cẩn trọng.

VII. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

-HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban Điều hành công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

-Chỉ đạo Ban Điều hành Công ty vận hành, sản xuất hiệu quả đối với 02 Nhà máy thủy điện A Lưới và Nhà máy điện mặt trời Cư Jut, tiết kiệm chống lãng phí để đảm bảo lợi nhuận cao nhất có thể.

-Áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị tốt được chấp nhận rộng rãi trên thế giới vào công tác quản trị công ty. Chú trọng đến trách nhiệm xã hội và môi trường, cân đối hài hòa với mục tiêu sản xuất. Nỗ lực nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, hệ sinh thái và cộng đồng.

-Nâng cao đời sống, phúc lợi và tạo điều kiện bảo vệ sức khỏe, an toàn lao động cho Người lao động chính là mục đích thiết thực nhất để nâng cao năng suất lao động, tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn, việc gắn kết lợi ích của người lao động với lợi ích lâu dài của công ty cũng là cách thức hiệu quả giúp nâng cao giá trị của Công ty.

-Hội đồng quản trị nâng cao chất lượng quản trị và vận hành, chú trọng công tác dự báo để chủ động điều chỉnh và đưa ra các giải pháp phù hợp, đảm bảo mọi nguồn lực sẵn sàng cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020, kính mong Quý vị cổ đông tham gia đóng góp ý kiến để giúp Hội đồng quản trị thực hiện tốt nhiệm vụ của mình nhằm xây dựng Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung ngày càng phát triển bền vững, hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Việt

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 06 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG
Về việc kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020 với các nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY:

1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

Nhà máy thủy điện A Lưới: Trong 9 tháng đầu năm 2020, nhà máy gặp nhiều khó khăn trong sản xuất do lưu lượng nước về hồ rất ít ($10,73 \text{ m}^3/\text{s}$), thiếu hụt so với lưu lượng trung bình nhiều năm ($14,14 \text{ m}^3/\text{s}$). Tuy nhiên từ tháng 10-12, lượng nước về hồ cao hơn trung bình nhiều năm (bình quân $181,19 \text{ m}^3/\text{s}$), 02 tổ máy được lập lịch huy động tối ưu.

Nhà máy điện mặt trời Cư Jút: nhìn chung vận hành tương đối ổn định, một số trục trặc hư hỏng nhỏ đã được khắc phục kịp thời. Trong 9 tháng đầu năm 2020, bức xạ thực tế tại Nhà máy cao hơn so với tính toán thiết kế nên sản lượng và doanh thu 9 tháng đầu năm đạt 103% kế hoạch đề ra. Tuy nhiên trong 3 tháng cuối năm, do ảnh hưởng mưa bão khu vực miền Trung và Nam Trung Bộ nên bức xạ thực tế nhà máy Cư Jút chỉ đạt từ 87% thiết kế, ngoài ra do hệ thống thừa nguồn và quá tải ĐZ nên Nhà máy có nhiều thời điểm bị hạn chế công suất phát, do vậy sản lượng và doanh thu 3 tháng cuối năm thấp hơn so với kế hoạch.

Trước các diễn biến bất thường và các tác động bất lợi của thiên tai, dịch bệnh, việc phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020 là rất khó khăn. Tuy nhiên, với sự quyết tâm và đoàn kết tập thể Lãnh đạo và CBCNV Công ty đã nỗ lực

trong công tác quản lý, vận hành đảm bảo an toàn, vừa chủ động trong công tác tiêu tu, sửa chữa, xây dựng kịch bản ứng phó, điều tiết thủy văn đúng quy trình, khoa học, hợp lý, qua đó nâng cao hiệu quả vận hành phát điện và hạn chế thiệt hại trong các đợt bão lũ vừa qua.

Vì vậy, kết quả SXKD năm 2020 khá khả quan, các chỉ tiêu Doanh thu, Lợi nhuận vượt kế hoạch. Cụ thể doanh thu 838 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế 278 tỷ, đạt 126% kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2020 giao.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (triệu đồng)			Năm 2020 (triệu đồng)		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ % so với kế hoạch	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ % so với kế hoạch
1	Doanh thu	767,182	719,152	94%	775,972	838,812	108%
2	Lợi nhuận ST	247,473	216,055	87%	221,187	278,372	126%

2. Tình hình tài chính Công ty năm 2020:

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty sau khi được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. Ban Kiểm soát nhận xét như sau: (i) các số liệu tài chính của Công ty trình ĐHĐCĐ là thể hiện trung thực, rõ ràng, hợp lý, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính hiện tại của Công ty. (ii) Chưa thấy vấn đề gì nghiêm trọng xét trên các phương diện trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực hợp lý của Báo cáo tài chính.

Tóm tắt tình hình tài chính Công ty đến 31/12/2020 như sau:

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	01/01/2020	31/12/2020
A. Tài sản ngắn hạn	352.788.117.545	454.438.701.091
B. Tài sản dài hạn	3.258.884.793.440	3.078.326.022.516
Tổng cộng tài sản	3.611.672.910.985	3.532.764.723.607
NGUỒN VỐN		
A. Nợ phải trả	1.847.430.100.115	1.638.902.933.324
B. Vốn chủ sở hữu	1.764.242.810.870	1.893.861.790.283
Tổng cộng nguồn vốn	3.611.672.910.985	3.532.764.723.607

Một số các chỉ tiêu tài chính thời điểm 31/12/2020 so với 31/12/2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	88	91
	-Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	12	9
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	-Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	46	57
	-Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	54	43
	-Nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	0,86	1,04
3	Khả năng thanh toán			
	-Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,19	0,78
	-Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,21	0,8
4	Hiệu quả			
	-Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	%	7	5
	-Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	%	14	12

- Cơ cấu tài sản của Công ty có sự dịch chuyển tăng tài sản ngắn hạn và giảm tài sản dài hạn so với năm 2019, nguyên nhân do tổng doanh thu năm 2020 cao hơn năm 2019.

- Cơ cấu nguồn vốn cũng có sự dịch chuyển giảm tỷ lệ nợ phải trả/tổng nguồn vốn và tăng tỷ lệ vốn CSH/tổng nguồn vốn so với năm 2019, nguyên nhân do trong năm 2020 công ty đã trả các khoản nợ cho nhà thầu Sumec, nguồn vốn chủ sở hữu tăng do tăng vốn điều lệ.

- Nợ phải trả/VCSH: Công ty có hệ số nợ phải trả/Vốn CSH năm 2020: 0,86 lần, đảm bảo ≤ 3 lần theo quy định.

- Chỉ số khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán nợ ngắn hạn năm 2020 đều cải thiện tốt so với năm 2019, các chỉ số năm 2020 đáp ứng yêu cầu theo qui định.

- Tỷ suất LNST trên tổng tài sản và trên vốn chủ sở hữu năm 2020 đều cao hơn năm 2019 do lợi nhuận năm 2020 tăng.

Từ các số liệu trên, Ban Kiểm soát đánh giá tình hình tài chính Công ty năm 2020 tốt, đáp ứng các yêu cầu theo quy định. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã quản trị và cân đối dòng tiền hiệu quả, an toàn vốn, chi tiêu hợp lý, đảm bảo nguồn tiền trả

nợ vay Ngân hàng và cho hoạt động sản xuất, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

3. Vốn điều lệ Công ty:

- Vốn điều lệ của Công ty đến thời điểm 31/12/2020 là: 1.469.126,68 triệu đồng.
- Cơ cấu vốn góp như sau:

STT	Tên cổ đông	Cơ cấu vốn đã góp của các cổ đông	
		Giá trị (tr.đ)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Điện lực miền Trung	337.459,98	22,97
2	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	337.459,98	22,97
3	Công ty CP Cơ điện lạnh	333.248,02	22,68
4	Cổ đông khác	460.958,71	31,38
Tổng cộng		1.469.126,68	100

4. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020:

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-CHP-HĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 16/06/2020, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung như sau:

- Về doanh thu: thực hiện năm 2020 là 838 tỷ đồng/776 tỷ đồng so với Nghị quyết ĐHĐCĐ, đạt 108% kế hoạch.

- Về lợi nhuận sau thuế: thực hiện năm 2020 là 278 tỷ đồng/221 tỷ đồng so với Nghị quyết ĐHĐCĐ, đạt 126% kế hoạch.

- Về hoàn thành quyết toán A-B các gói thầu của dự án nhà máy điện mặt trời Cư Jút: đơn vị Kiểm toán đã phát hành báo cáo Tổng quyết toán dự án hoàn thành nhà máy điện mặt trời Cư Jút và HĐQT đã phê duyệt quyết toán với giá trị là 1.270,429 tỷ đồng.

- Chi trả cổ tức năm 2019: theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua là 16% trong đó chi bằng tiền là 10%, chi bằng cổ phiếu là 6%. Trong năm Công ty đã hoàn thành công tác chi trả cổ tức cho cổ đông với mức 16%.

- Về trích lập các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

- Về chọn Công ty kiểm toán: Công ty đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

- Về chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 đã thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020:

Ban Kiểm soát có 04 thành viên; ngay từ đầu năm, Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác; tập trung thực hiện các giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty.

- Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp được HĐQT mời để nắm bắt các chủ trương của HĐQT, đóng góp ý kiến cho HĐQT về tình hình chấp hành các quy định của Công ty, về công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc; đảm bảo các chính sách của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc được ban hành đúng quy định, đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, đảm bảo quyền lợi của Công ty, của các cổ đông và nhà đầu tư.

- Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách đều tham dự cuộc họp giao ban hàng tuần tại Công ty và các cuộc họp đột xuất. Tham gia thảo luận, kiến nghị các vấn đề liên quan đến việc thực hiện công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Nắm bắt tình hình công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty nhằm tăng cường hoạt động giám sát.

- Ban Kiểm soát đã thường xuyên kiểm tra, xem xét, đánh giá tình hình thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và các Nghị quyết của HĐQT; thẩm tra số liệu Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm của Công ty.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tổ chức 2 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ các thành viên Ban Kiểm soát. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát cũng thường xuyên thông tin, trao đổi với nhau để các thành viên có thể giám sát được tình hình hoạt động của Công ty.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2020:

1. Công tác chỉ đạo của HĐQT:

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò, quyền hạn của mình trong việc hoạch định chiến lược và định hướng phát triển Công ty. Trong đó, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền một cách đúng trình tự, đúng thẩm quyền, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020, phù hợp với thực tiễn hoạt động SXKD của Công ty, đáp ứng được yêu cầu quản trị

cũng như chiến lược phát triển của Công ty. Tạo lập được niềm tin đối với các chủ sở hữu Công ty, với các cấp Bộ, ngành, địa phương và đối tác có liên quan.

HĐQT đã duy trì các cuộc họp định kỳ, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật định.

HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ một cách cụ thể và đưa ra các giải pháp hữu hiệu nhất để đạt được hiệu quả cao. Các hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng Pháp luật; quá trình triển khai Nghị quyết và Quyết định của HĐQT đúng trình tự và quy định của Nhà nước, quy chế của Công ty.

2. Đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các quy định của Pháp luật, thực hiện đúng nhiệm vụ điều hành hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng của Công ty trên cơ sở Nghị quyết của HĐQT.

Dưới sự chỉ đạo sát sâu, kịp thời của HĐQT, trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực rất lớn trong việc chỉ đạo, đưa ra các giải pháp điều hành trên tinh thần khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện kế hoạch SXKD, đầu tư xây dựng đã được ĐHĐCĐ 2020 thông qua và đã được kết quả đáng khích lệ.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát được HĐQT, Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty.

Ban Kiểm soát được HĐQT, Ban Tổng Giám đốc mời tham dự các cuộc họp HĐQT, họp giao ban với Công ty, tham gia ý kiến theo chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

Các kiến nghị, đề xuất của Ban Kiểm soát đều được HĐQT, Ban Tổng Giám đốc xem xét, chỉ đạo các bộ phận liên quan nghiêm túc thực hiện.

IV. QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN:

Công ty đã thực hiện báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng theo đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đảm bảo các thông tin hoạt động được công bố đầy đủ và kịp thời, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Trên đây là báo cáo quá trình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 trình đại hội xem xét thông qua.

Nhân cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2021, kính chúc các Quý vị đại biểu, quý vị cổ đông, các nhà đầu tư mạnh khỏe, hạnh phúc, thành đạt, kính chúc Công ty ngày càng phát triển bền vững, kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Trình ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Lưu: BKS.

TM.BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



Trịnh Quang Việt

BÁO CÁO TÓM TẮT

Về các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Quý Cổ đông về các nội dung biểu quyết tại Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 như sau:

1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Thông qua Công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2020, với các chỉ tiêu:

- Tổng sản lượng điện sản xuất:	692,837 triệu kWh
- Tổng sản lượng điện thương phẩm:	687,884 triệu kWh
- Tổng doanh thu:	838,812 tỷ đồng
- Tổng chi phí:	547,980 tỷ đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế:	278,372 tỷ đồng.

2. Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020

4. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động giám sát công ty năm 2020

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 (Tờ trình số 22/TTR-EVNCHP-HĐQT ngày 24/06/2021):

*** Lợi nhuận năm 2020 & các năm trước còn lại:**

- Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm 2019 còn lại:	25.700.721.523 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 (đã kiểm toán):	278.372.060.882 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	6.000.000.000 đồng
- Trích quỹ thưởng cán bộ quản lý (theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020):	682.000.000 đồng
- Lũy kế lợi nhuận chưa phân phối có đến cuối năm 2020:	297.390.782.405 đồng

*** Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.**

- Lũy kế lợi nhuận chưa phân phối có đến cuối năm 2020:	297.390.782.405 đồng
- Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt là 16%, tương ứng:	235.060.268.800 đồng
- Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển năm sau:	62.330.513.605 đồng

Việc chia cổ tức (16%) phải được thực hiện trong vòng 35 ngày sau khi ĐHĐCĐ năm 2021 thành công

6. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Phương án 1: (Phương án công ty trình theo báo cáo số 843/BC-EVNCHP ngày 17/05/2021)

- Doanh thu : 720 tỷ đồng

(Trong đó NM A Lưới: 542 tỷ đồng, NM Cư Jút: 178 tỷ đồng và dự án áp mái Cư Jút: 123 triệu đồng)

- Lợi nhuận sau thuế : 161 tỷ đồng

(Trong đó NM A Lưới: 153,2 tỷ đồng, NM Cư Jút: 8 tỷ đồng và dự án áp mái Cư Jút: 56 triệu đồng)

- Hoàn thành xử lý đường hầm và gia cố mái chính diện nhà máy thủy điện A Lưới.

Phương án 2: (Phương án công ty xây dựng sau khi có góp ý của cổ đông)

- Doanh thu : 738 tỷ đồng

(Trong đó NM A Lưới: 542 tỷ đồng, NM Cư Jút: 196 tỷ đồng và dự án áp mái Cư Jút: 123 triệu đồng)

- Lợi nhuận sau thuế : 179 tỷ đồng

(Trong đó NM A Lưới: 153,2 tỷ đồng, NM Cư Jút: 25,7 tỷ đồng và dự án áp mái Cư Jút: 56 triệu đồng)

- Hoàn thành xử lý đường hầm và gia cố mái chính diện nhà máy thủy điện A Lưới.

7. Thông qua dự kiến chi trả cổ tức năm 2021:

- Dự kiến chi trả cổ tức năm 2021: 12%

Tạm ứng cổ tức năm 2021: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tỷ lệ, thời điểm, phương thức tạm ứng cổ tức và quyết định các thủ tục liên quan đến việc tạm ứng cổ tức trong năm 2021

8. Thông qua phương án lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

9. Thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao của cán bộ quản lý Công ty năm 2021 (Tờ trình số 24/TTR-EVNCHP-HĐQT ngày 24/06/2021):

10. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT (Tờ trình số 23/TTR-EVNCHP-HĐQT ngày 24/06/2021):

HĐQT trình 2 phương án theo Tài liệu ĐHĐCĐ 2021:

+PA1: Thông qua sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như dự thảo công ty trình ĐHĐCĐ 2021.

+PA2: Thông qua sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như dự thảo công ty trình kèm theo phụ lục ý kiến góp ý của Cổ đông (Phương án 2 đính kèm).

Đến thời điểm ngày 23/6/2021, Công ty nhận được ý kiến biểu quyết của Đại diện Cổ đông Công ty TNHH Năng lượng REE và tổng hợp báo cáo Đại hội nội dung chi tiết phụ lục ý kiến góp ý Sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TKCT.



Hồ Quốc Việt

TỜ TRÌNH

“V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2020 & dự kiến cổ tức năm 2021”

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung

- Căn cứ Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần thủy điện miền Trung;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần thủy điện miền Trung số 01/2020/NQ-CHP-ĐHCD ngày 16/6/2020;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện miền Trung đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 & dự kiến chi trả cổ tức năm 2021 như sau:

I. Lợi nhuận năm 2020 & các năm trước còn lại:

- Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm 2019 còn lại:	25.700.721.523 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 (đã kiểm toán):	278.372.060.882 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	6.000.000.000 đồng
- Trích quỹ thưởng cán bộ quản lý (theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020):	682.000.000 đồng
- Lũy kế lợi nhuận chưa phân phối có đến cuối năm 2020:	297.390.782.405 đồng

II. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.

- Lũy kế lợi nhuận chưa phân phối có đến cuối năm 2020:	297.390.782.405 đồng
- Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt là 16%, tương ứng:	235.060.268.800 đồng
- Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển năm sau:	62.330.513.605 đồng

Việc chia cổ tức (16%) phải được thực hiện trong vòng 35 ngày sau khi ĐHĐCĐ năm 2021 thành công

III. Dự kiến chi trả cổ tức năm 2021:

- Lợi nhuận các năm trước còn lại:	62.330.513.605 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021:	161.049.000.000 đồng
- Dự kiến chi trả cổ tức năm 2021: 12%	

IV. Kiến nghị:

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 (như trên);
2. Thông qua dự kiến chi trả cổ tức năm 2021 là 12%

Tạm ứng cổ tức năm 2021: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tỷ lệ, thời điểm, phương thức tạm ứng cổ tức và quyết định các thủ tục liên quan đến việc tạm ứng cổ tức trong năm 2021

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện miền Trung kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Trân trọng!

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu TK

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Việt

TỜ TRÌNH

“V/v: Sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư 116/2020/TT-BTC. Các điểm sửa đổi được liệt kê ở phụ lục so sánh và các dự thảo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm.

HĐQT trình 2 phương án theo Tài liệu ĐHĐCĐ 2021:

+PA1: Thông qua sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như dự thảo công ty trình ĐHĐCĐ 2021.

+PA2: Thông qua sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như dự thảo công ty trình kèm theo phụ lục ý kiến góp ý của Cổ đông.

+Đến thời điểm ngày 23/6/2021, Công ty nhận được ý kiến biểu quyết của Đại diện Cổ đông Công ty TNHH Năng lượng REE và tổng hợp báo cáo Đại hội nội dung chi tiết phụ lục ý kiến góp ý Sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS ;
- Lưu TKCT



Hồ Quốc Việt

Số: 02/2021/TTr-BKS

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

**“V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét và kiểm toán
báo cáo tài chính năm 2021”**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH13 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung.

Để thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty CP Thủy điện Miền Trung đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty đại chúng và tổ chức niêm yết.
- Có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất danh sách các Công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn:

Với các tiêu chí trên, Ban Kiểm soát xin đề xuất danh sách các Công ty kiểm toán độc lập phù hợp, đáp ứng được yêu cầu như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 01 Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 từ danh sách trên với năng lực và mức phí phù hợp nhất; Trong trường hợp đàm phán ký kết hợp đồng với các Công ty kiểm toán trong danh sách trên không thành công, HĐQT được chủ động lựa chọn một đơn vị kiểm toán khác nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán

được Ủy ban chứng khoán Nhà nước công bố trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu và đảm bảo lợi ích cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu BKS

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'V. Q. V.', is centered within a light blue rectangular box.

Trịnh Quang Việt

Số: 24/TTr-EVNCHP-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: Báo cáo thù lao HĐQT, tiền lương & thù lao Ban kiểm soát năm 2020 và đề xuất kế hoạch tiền lương, thù lao của cán bộ quản lý Công ty năm 2021”

Kính trình: Đại hội Đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung

- Căn cứ Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung số 01/2020/NQ-CHP-ĐHCD ngày 16/06/2020;

- Căn cứ quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy điện miền Trung;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung báo cáo tình hình thực hiện thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương & thù lao Ban kiểm soát, tiền thưởng cán bộ quản lý công ty năm 2020 và đề xuất cho năm 2021 như sau:

1. Tình hình thực hiện thù lao HĐQT, tiền lương & thù lao BKS năm 2020:

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP thủy điện miền Trung năm 2020, mức thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương & thù lao Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

+ Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	: 10.800.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên HĐQT	: 9.200.000 đồng/người/tháng
+ Trưởng ban KS chuyên trách	: 48.000.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên BKS	: 8.000.000 đồng/ người/tháng

- Quỹ tiền thưởng của cán bộ quản lý công ty: được xác định theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016. Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc phân phối tiền thưởng của cán bộ quản lý.

Năm 2020, Công ty thực hiện chi trả thù lao HĐQT, tiền lương & thù lao BKS theo đúng Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 với số tiền là 1.656.000.000 đồng. Trích tiền thưởng cán bộ quản lý (theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016) là 682.000.000 đồng.

2. Đề xuất kế hoạch tiền lương, thù lao của cán bộ quản lý Công ty năm 2021:

STT	Chức vụ	Số người	Lương tháng	Thù lao tháng
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách (đồng/người)	1		9.720.000
2	Thành viên HĐQT kiêm TGD (đồng/người)	1	46.800.000	
3	Thành viên HĐQT không chuyên trách (đồng/người)	5		8.280.000
II	Ban kiểm soát			
1	Trưởng BKS (đồng/người)	1	43.200.000	
2	Thành viên BKS không chuyên trách (đồng/người)			
2.1	PA1: Thành viên BKS không chuyên trách (đồng/người)	3		8.000.000
2.2	PA2: Thành viên BKS không chuyên trách (đồng/người)	3		7.000.000

Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của NQL nêu trên được xác định theo quy định tại Điều 71 của Quy chế về công tác lao động và tiền lương trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 96/QĐ- EVN ngày 26/3/2018 của EVN (Quy chế 96). Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 của NQL được xác định theo quy định tại Điều 72 của Quy chế 96.

Quỹ tiền thưởng của NQL được xác định theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối quỹ tiền thưởng của NQL theo đúng quy định của Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 và Quy chế 96 của EVN.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Việt

Số: 25/BC-EVNCHP-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO

“V/v: Miễn nhiệm TV Ban kiểm soát và kết quả đề cử của Cổ đông về nhân sự tham gia Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2020-2025) Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung;

Căn cứ Công văn số 06/2021/CV-NLR ngày 23/03/2021 của Công ty TNHH Năng lượng REE (REE ENERGY) về việc thay thế Thành viên Ban kiểm soát.

Căn cứ Đơn từ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát của ông Trần Quốc Văn Chương ngày 23/03/2021.

Căn cứ văn bản số 4385/EVNSPC-TCNS ngày 24/05/2021 của Tổng công ty Điện lực Miền Nam về việc thôi cử và giới thiệu nhân sự tham gia ứng cử thành viên BKS tại CHP.

Căn cứ Đơn từ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát của bà Vũ Thị Luyến ngày 20/05/2021.

Tính đến thời điểm theo Thông báo của Công ty thì các cổ đông và nhóm cổ đông khác không có đề cử, ứng cử ứng viên tham gia BKS nhiệm kỳ 2020-2025.

Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung (EVNCHP) kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét các nội dung sau đây:

+Thông qua việc miễn nhiệm ông Trần Quốc Văn Chương – Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ IV (2020-2025) và bà Vũ Thị Luyến – Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ IV (2020-2025).

+Thông qua danh sách nhân sự đề cử gồm ông Nguyễn Trương Tiến Đạt và ông Nguyễn Đức An để tiến hành bầu cử vào Ban kiểm soát công ty trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ IV (2020- 2025).

Trân trọng.

Đính kèm: +Công văn số 06/2021/CV-NLR ngày 23/03/2021 của Công ty TNHH Năng lượng REE và Đơn từ nhiệm của ông Trần Quốc Văn Chương.

+Văn bản số 4385/EVNSPC-TCNS ngày 24/05/2021 của Tổng công ty Điện lực Miền Nam và Đơn từ nhiệm của bà Vũ Thị Luyến.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TKCT.



Hồ Quốc Việt



Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh
Refrigeration Electrical Engineering Corporation

364 Cong Hoa St., Tan Binh Dist., HCMC, Vietnam. Tel: (84.28) 3810 0017 3810 0350 Fax: (84.28) 3810 0337 Email: ree@reecorp.com.vn Website: www.reecorp.com

Số: 06/2021/CN-NLR

Tp.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Kính gửi:

- Đại Hội Đồng Cổ Đông
- Hội Đồng Quản Trị

Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Trung

Tên cổ đông: Công Ty TNHH Năng lượng REE (REE Energy)

Địa chỉ: 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy CNĐKDN số: 0316514160 cấp lần đầu ngày 30/09/2020 – Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh.

Số lượng cổ phần đang sở hữu: 33.324.802 cổ phần.

(Bằng chữ: Ba mươi ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm linh hai cổ phần)

Tương ứng với tổng mệnh giá là: 333.248.020.000 đồng.

Hiện Ông Trần Quốc Văn Chương đại diện phần vốn của REE Energy tham gia thành viên Ban kiểm soát tại Quý Công ty, do thời gian tới Ông Chương bận công tác khác nên không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ trên. Do vậy, REE Energy đề cử Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt thay thế Ông Chương tham gia thành viên Ban kiểm soát tại Quý Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ *(xem lý lịch đính kèm)*.

Chúng tôi kính mong Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị chấp thuận.



Trần Trọng,
Hồ Bảo Hùng
Giám Đốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi:- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung.

Tôi tên là Trần Quốc Văn Chương - Sinh ngày: 19/11/1996

Số CMND: 225576635 cấp ngày 11/12/2015 tại Công an Khánh Hòa

Hiện đang là Thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung.

Nay, tôi làm đơn này gửi đến Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung chấp thuận cho tôi xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát tại Quý Công ty.

Lý do: Thay đổi người đại diện của cổ đông Công ty TNHH Năng lượng REE tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị Quý Công ty chấp thuận đơn xin từ nhiệm của tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Trân trọng,

Tp.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Người làm đơn



Trần Quốc Văn Chương



SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Nguyễn Trương Tiến Đạt
2. Giới tính: nam nữ
3. Ngày sinh: 10/01/1992
4. Quốc tịch: Việt nam
5. Căn cước số: 072092003340 ngày cấp: 07/03/2018 tại Cơ quan ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư
6. Địa chỉ thường trú: 37/23 Nhất Chi Mai, phường 13, quận Tân Bình, TP.HCM
7. Số điện thoại liên lạc: 0938.522.517
8. Trình độ văn hóa: 12/12
9. Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân Tài Chính – Ngân Hàng _ Đại học kinh tế TP.HCM.
 - Cử nhân Kế toán ứng dụng _ Đại học Oxford Brookes.
10. Quá trình công tác:
 - Từ 03/2015-03/2016: Nhân viên kế toán Phân tích CTCP Cơ Điện Lạnh
 - Từ 06/2016-03/2017: Chuyên viên thanh toán quốc tế, thẩm định Ngân hàng Shinhan Viet Nam.
 - Từ 09/2017 - Nay: chuyên viên phân tích đầu tư Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh.
11. Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên phân tích đầu tư Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh.
12. Số lượng cổ phiếu được ủy quyền hoặc/và nắm giữ: 0 cổ phiếu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày 23 tháng 03 năm 2021
Người khai

Nguyễn Trương Tiến Đạt

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

Số: **4385**/EVNSPC-TCNS

V/v thôi cử và giới thiệu nhân sự tham
gia ứng cử thành viên BKS tại CHP

CTY CP Thủy điện miền Trung
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021



Kính gửi: Chủ tịch HĐQT Công ty CHP, Người đại diện vốn
của EVNSPC tại CHP

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐTV ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Hội Đồng
thành viên EVNSPC về việc phê duyệt công tác cán bộ của EVNSPC,

Tổng công ty Điện lực miền Nam thống nhất thôi cử và giới thiệu nhân sự tham gia
ứng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung (CHP), cụ thể
như sau:

1. Thôi cử bà Vũ Thị Luyến – Phó Trưởng Ban Tổng hợp EVNSPC tham gia thành
viên Ban Kiểm soát Công ty CHP nhiệm kỳ 2020 – 2025;

2. Cử ông Nguyễn Đức An – Phó Trưởng Ban Viễn thông và Công nghệ thông tin
EVNSPC, tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty CHP trong thời gian còn
lại của nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Tổng công ty Điện lực miền Nam đề nghị Chủ tịch HĐQT Công ty CHP, Người
đại diện vốn của EVNSPC tại Công ty CHP tổ chức triển khai thủ tục theo quy định.

Trân trọng././ *Trần Trọng*

Nơi nhận:

- Như trên (bản giấy);
- HĐTV EVNSPC;
- Các ban: TH, KTGS, VTCNTT;
- Lưu: VT, TCNS, NNPD.(01).

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hợp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN XIN THÔI THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Kính gửi:

- Đại hội Đồng cổ đông Công ty CP Thủy Điện miền Trung (CHP),
- Hội đồng Quản trị Công ty CP Thủy Điện miền Trung.

- Tôi tên: Vũ Thị Luyến
- Hiện đang là: Thành viên Ban kiểm soát của CHP nhiệm kỳ 2020- 2025.

Tôi làm đơn này trình Đại hội Đồng cổ đông Công ty CP Thủy Điện miền Trung chấp thuận cho tôi thôi tham gia Ban kiểm soát của CHP kể từ khi Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của CHP phê duyệt.

Tôi xin chân thành cảm ơn các Cổ đông, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Ban điều hành và CBCNV của CHP đã tạo điều kiện để tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian vừa qua.

Trân trọng!

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2021

Kính đơn



Vũ Thị Luyến

Số: **60** /QĐ-HĐTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v thôi cử đại diện Tổng công ty Điện lực miền Nam tham gia thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung (CHP)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

Căn cứ Quyết định số 799/QĐ-BCT ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Công Thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-EVN ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-EVN ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐTV ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt công tác cán bộ EVNSPC;

Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức và Nhân sự Tổng công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thôi cử bà Vũ Thị Luyến – Phó Trưởng Ban Tổng hợp EVNSPC tham gia thành viên Ban Kiểm soát Công ty CHP nhiệm kỳ 2020–2025.

Điều 2. Bà Vũ Thị Luyến có trách nhiệm thực hiện việc bàn giao theo quy định của pháp luật hiện hành, của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và của Tổng công ty Điện lực miền Nam.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban: Tổ chức và Nhân sự, Tổng hợp, Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính và bà Vũ Thị Luyến căn cứ quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như điều 3 (bản giấy);
- HĐTV EVNSPC;
- Công ty CHP (bản giấy);
- Lưu: VT, TCNS. NNPD.(04).

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hợp

Số: **59** /QĐ-HĐTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v cử đại diện Tổng công ty Điện lực miền Nam tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung (CHP)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

Căn cứ Quyết định số 799/QĐ-BCT ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Công Thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-EVN ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-EVN ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐTV ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt công tác cán bộ EVNSPC;

Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức và Nhân sự Tổng công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cử ông Nguyễn Đức An – Phó Trưởng ban Viễn thông và Công nghệ thông tin EVNSPC tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty CHP trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020–2025.

Điều 2. Ông Nguyễn Đức An có trách nhiệm thực hiện quyền, nghĩa vụ thành viên Ban kiểm soát tại Doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật hiện hành, của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, của Tổng công ty Điện lực miền Nam và Công ty CHP.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban: Tổ chức và Nhân sự, Viễn thông và Công nghệ thông tin và ông Nguyễn Đức An căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (bản giấy);
- HĐTV EVNSPC;
- Công ty SHP (bản giấy);
- Lưu: VT, TCNS. NNPD.(04).

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hợp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH
(Dùng cho ứng viên vào Ban kiểm soát)

Họ và tên : NGUYỄN ĐỨC AN
Chức vụ : Phó Trưởng Ban Viễn thông & Công nghệ thông tin
Đơn vị công tác: Tổng công ty Điện lực miền Nam
Ứng cử viên: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung
nhiệm kỳ IV (2020-2025)

Họ và tên:	NGUYỄN ĐỨC AN
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10/10/1967
Nơi sinh:	Sài Gòn
CMND/CCCD :	079067011647
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	02 Đường số 9 Ấp 4A, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh Tp.HCM
Số ĐT liên lạc:	0966777887
Trình độ chuyên môn:	Đại học Kinh tế - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none">- Từ 04/1991 – 04/2004. : Chuyên viên Phòng Kinh doanh- Từ 04/2004 – 04/2007 : Phó Phòng Kinh doanh Công ty Điện lực 2- Từ 1/5/2007 – 04/2014 : Phó Trưởng Ban Công nghệ thông tin Tổng Công ty Điện lực miền Nam.- Từ 15/6/2014 – 15/6/2017 : Kiểm soát viên chuyên trách của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Tổng Công ty Điện lực miền Nam.- Từ 16/6/2017 đến nay : Phó Trưởng Ban Công nghệ thông tin Tổng Công ty Điện lực miền Nam
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	
Số CP nắm giữ tại thời điểm. :	1.835 CP
- Đại diện sở hữu:	Không
- Cá nhân sở hữu:	Có
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 05 năm 2021

Người khai



NGUYỄN ĐỨC AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
Bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung sẽ tiến hành bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.

Quy chế đề cử, ứng cử bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/ từ ngữ viết tắt:

- Công ty : Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

- Quy chế này hướng dẫn các điều kiện và thủ tục đề cử, ứng cử thành viên thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung.
- Các cổ đông, ứng viên tham gia đề cử, ứng cử thành viên BKS có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung của Quy chế này.

III. Số lượng, nhiệm kỳ bầu bổ sung thành viên BKS:

- Số lượng bầu bổ sung thành viên BKS: 02 người
- Nhiệm kỳ: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.
- Số lượng ứng cử viên BKS tối đa: Không hạn chế.

IV. Tiêu chuẩn ứng cử viên:

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 38 Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/TT-BTC)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của luật doanh nghiệp.
3. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

V. Quy định đề cử, ứng cử BKS:

(Căn cứ quy định tại Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/TT-BTC)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/TT-BTC. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) Kiểm soát viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) Kiểm soát viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) Kiểm soát viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) Kiểm soát viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử tương tự theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử, ứng cử:

Hồ sơ ứng cử, đề cử về Văn phòng Công ty **trước 16h ngày 03/06/2021.**

Các ứng cử, đề cử Thành viên BKS được gửi về Công ty sau ngày 3/6/2021 sẽ được xin ý kiến Đại hội đồng Cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.

VI. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/TT-BTC)

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/TT-BTC.

Chi tiết cụ thể về cách thức bỏ phiếu bầu cử tại mục 12-Quy định tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

XI. Hiệu lực thi hành:

- Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội Cổ Đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung kết thúc.

- Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử thành viên để bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhân

- Như trên;
- Lưu TKCT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Việt

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

-----o0o-----



MẪU

EVNCHP

**PHIẾU BẦU CỬ THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT**

PHẦN I:

Mã số đại biểu:

Họ và tên:

Tổng số cổ phần:

Tổng số phiếu bầu:

(Tổng số cổ phần x 2)

PHẦN II:

STT	Danh sách ứng viên (sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên)	Tổng số phiếu bầu	
		Tổng số cổ phần	Hệ số dồn phiếu
1	Nguyễn Đức An		X <input type="text"/>
2	Nguyễn Trương Tiến Đạt		X <input type="text"/>
Tổng cộng phiếu bầu			≤ 2

Ghi chú: Cổ đông chỉ ghi vào cột **Hệ số dồn phiếu**, tổng cộng hệ số dồn phiếu các ứng viên không vượt quá 2 (≤ 2)

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A có số cổ phần là "X" có 1 phiếu bầu cho 1 thành viên BKS. Như vậy trong Phần II bầu BKS có (số tổng là 2) x (số cổ phần X) = 2X.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG
NHIỆM KỲ 2020 – 2025

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung.
- Căn cứ Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị-BKS Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung.

Hôm nay, ngày..... tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung, cùng nhau nắm giữ.....cổ phần (bằng chữ: cổ phần), chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/HỘ CHIẾU/ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện SH	Ký và ghi rõ họ tên
	Tổng cộng				

cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung tại kỳ họp ĐHCĐ thường niên năm 2020 như sau:

1. Ông (Bà):
CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú.....
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....
2. Ông (Bà):
CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường Trú:.....
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà):

CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung.

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày /.../..... tại

.....

....., ngày tháng năm 2020

CỔ ĐÔNG

(người được đề cử đại diện nhóm)

(Ký và ghi rõ họ tên)²

²**Đối với cổ đông pháp nhân:**

- Người đại diện theo Pháp luật ký tên và đóng dấu, hoặc
- Trường hợp pháp nhân cử đại diện góp vốn (đại diện theo ủy quyền) thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-000-

GIẤY ĐỀ NGHỊ

V/v: xác nhận sở hữu cổ phần

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung

Họ tên chủ tài khoản:

CMND/Hộ chiếu/GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Tài khoản số:.....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần

Mã chứng khoán:.....

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Từ ngày:..... đến ngày.....

Đề nghị Công ty cổ phần xác nhận giúp tôi/chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày..... tháng năm 2020

Chủ tài khoản

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG
NHIỆM KỲ 2020 – 2025

Kính gửi: Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung

Tên tôi là:.....
CMND/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:
Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu:cổ phần
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng)
Đại diện cho:.....

Đề nghị Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung cho tôi được tự ứng cử vào Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.

....., ngày..... tháng năm 2020

Người ứng cử
(ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG
NHIỆM KỲ 2020-2025

Kính gửi: Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung

Cổ đông:
Địa chỉ tại:.....
Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....
Hiện đang sở hữu: (cổ phần)
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Đề nghị Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung cho tôi/Công ty tôi đề cử:

Ông/Bà:
CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: (cổ phần)
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Làm ứng cử viên tham gia vào Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung nhiệm kỳ IV (2020-2025).

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.

....., ngày..... tháng năm 2020

Cổ đông

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Ban kiểm soát)

Ảnh 4x6

Họ và tên :
Chức vụ :
Đơn vị công tác:.....
Ứng cử viên : Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ IV.

Họ và tên:	
Giới tính:	
Ngày tháng năm sinh:	
Nơi sinh:	
CMND: -----, ngày cấp -----, nơi cấp: -----	
Quốc tịch:	
Dân tộc:	
Địa chỉ thường trú:	
Số ĐT liên lạc:	
Trình độ chuyên môn:	
Quá trình công tác:	
+ Từ ... đến ... :	
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
Số CP nắm giữ (tại thời điểm): cổ phần, chiếm % vốn điều lệ	
+ Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ	
+ Cá nhân sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ	
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	1- Mỗi quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức: ... nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ
	2- Mỗi quan hệ: ..., Tên cá nhân/tổ chức:nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát.

....., ngày tháng năm 2020

Người khai ký và ghi rõ họ tên

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung;

- Căn cứ Biên bản Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung ngày 24 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Công ty năm 2020, với các chỉ tiêu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Tổng sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	692,837
2	Tổng sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	687,884
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	838,812
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	547,980
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	290,832
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	278,372

2. Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020

4. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kiểm soát hoạt động của công ty năm 2020

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN năm 2020 đã kiểm toán	278.372.060.882	
2	Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm 2019 còn lại	25.700.721.523	

3	Lợi nhuận phân phối (1+2)	304.072.782.405	
4	Phân phối các quỹ (4.1+4.2)	6.682.000.000	
4.1	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	6.000.000.000	
4.2	<i>Quỹ thưởng cán bộ quản lý</i>	682.000.000	(theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020)
5	Chia cổ tức (16%)	235.060.268.800	
6	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm 2021 (3-4-5)	62.330.513.605	

Việc chia cổ tức (16%) phải được thực hiện trong vòng 35 ngày sau khi ĐHĐCĐ năm 2021 thành công.

6. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Doanh thu (1.1+1.2+1.3)	Tỷ đồng	738,427
1.1	<i>NM TĐ A Lưới</i>	<i>Tỷ đồng</i>	542,034
1.2	<i>NM ĐMT Cư Jút</i>	<i>Tỷ đồng</i>	196,270
1.3	<i>Điện mặt trời áp mái Cư Jút và dịch vụ khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	0,123
2	Lợi nhuận sau thuế (2.1+2.2+2.3)	Tỷ đồng	179,004
2.1	<i>NM TĐ A Lưới</i>	<i>Tỷ đồng</i>	153,244
2.2	<i>NM ĐMT Cư Jút</i>	<i>Tỷ đồng</i>	25,704
2.3	<i>Điện mặt trời áp mái Cư Jút và dịch vụ khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	0,056

- Hoàn thành xử lý đường hầm và gia cố mái chính diện nhà máy thủy điện A Lưới

7. Thông qua dự kiến chi trả cổ tức năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	161,049
2	Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước chuyển sang	Tỷ đồng	62,331
3	Lợi nhuận phân phối (1+2)	Tỷ đồng	223,380
4	Cổ tức	Tỷ đồng	12%

Tạm ứng cổ tức năm 2021: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tỷ lệ, thời điểm, phương thức tạm ứng cổ tức và quyết định các thủ tục liên quan đến việc tạm ứng cổ tức trong năm 2021

8. Thông qua phương án lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Thông qua việc ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán dưới đây với năng lực và mức phí phù hợp nhất để thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;
- Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam.

Trường hợp đàm phán ký kết hợp đồng với các Công ty kiểm toán trong danh sách trên không thành công, HĐQT được chủ động lựa chọn một đơn vị kiểm toán khác nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước công bố trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu và đảm bảo lợi ích cho Công ty.

9. Thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao của cán bộ quản lý Công ty năm 2021:

STT	Chức vụ	Số người	Lương tháng	Thù lao tháng
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách (đồng/người)	1		9.720.000
2	Thành viên HĐQT kiêm TGD (đồng/người)	1	46.800.000	
3	Thành viên HĐQT không chuyên trách (đồng/người)	5		8.280.000
II	Ban kiểm soát			
1	Trưởng BKS (đồng/người)	1	43.200.000	
2	Thành viên BKS không chuyên trách (đồng/người)	3		7.000.000

Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của NQL nêu trên được xác định theo quy định tại Điều 71 của Quy chế về công tác lao động và tiền lương trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 96/QĐ- EVN ngày 26/3/2018 của EVN (Quy chế 96). Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 của NQL được xác định theo quy định tại Điều 72 của Quy chế 96.

Quỹ tiền thưởng của NQL được xác định theo Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối quỹ tiền thưởng của

NQL theo đúng quy định của Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 và Quy chế 96 của EVN.

10. Thông qua sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như dự thảo công ty trình kèm theo phụ lục ý kiến góp ý của Cổ đông tại Tờ trình số 23/TTR-EVNCHP-HĐQT ngày 24/06/2021.

11. Thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ IV (2020-2025):

- Thông qua việc miễn nhiệm ông Trần Quốc Văn Chương – Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ IV (2020-2025) và bà Vũ Thị Luyến – Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ IV (2020-2025) từ thời điểm kết thúc Đại hội đồng cổ đông 2021 ngày 24/06/2021.

- Thông qua danh sách nhân sự đề cử gồm ông Nguyễn Trương Tiến Đạt và ông Nguyễn Đức An để tiến hành bầu cử vào Ban kiểm soát công ty trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ IV (2020- 2025).

12. Kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025:

Căn cứ vào kết quả, các ứng cử viên sau đây đã được Đại hội tín nhiệm là người đại diện cho cổ đông tham gia vào Ban kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ IV (2020-2025).

Tên ứng cử viên	Tổng số phiếu bầu hợp lệ	Tỷ lệ % phiếu bầu
1. Ông Nguyễn Đức An		
2. Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt		

13. Tổ chức thực hiện Nghị quyết:

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2021.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện tại Đại hội cổ đông phiên họp thường niên năm 2022.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- Các TV HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Đăng Website Cty, CBTT
- Lưu TKCT (gốc).

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Trương Công Giới

Phụ lục 1

**BÁO CÁO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG**

(Đính kèm báo cáo số /BC-EVNCHP ngày / /2021)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị thực hiện 2020	Giá trị KH 2021	Ghi chú
1	Tổng sản lượng điện sản xuất	kWh	692,837,000	600,744,000	
1.1	Sản lượng điện sản xuất A Lưới	kWh	601,132,000	509,675,000	Biểu số 2AL
1.2	Sản lượng điện sản xuất Cư Jút	kWh	91,705,000	90,990,000	Biểu số 2CJ
1.3	Sản lượng điện SX áp mái Cư Jút (GD1)	kWh		79,000	Biểu số 1AMCJ
2	Tổng sản lượng điện thương phẩm	kWh	687,884,000	595,648,000	
2.1	Sản lượng điện thương phẩm A Lưới	kWh	597,446,000	505,602,000	Biểu số 2AL
2.2	Sản lượng điện thương phẩm Cư Jút	kWh	90,438,000	89,983,000	Biểu số 2CJ
2.3	Sản lượng điện thương phẩm áp mái Cư Jút (GD1)	kWh		63,000	Biểu số 1AMCJ
3	Tổng Doanh Thu	đồng	838,812,000,000	738,427,000,000	
3.1	Doanh Thu A Lưới	đồng	636,210,000,000	542,034,000,000	Biểu số 1AL
3.2	Doanh Thu Cư Jút	đồng	200,903,000,000	196,270,000,000	Biểu số 1CJ
3.3	Doanh thu điện áp mái và dịch vụ khác	đồng	1,699,000,000	123,000,000	Biểu số 1AMCJ
4	Chi phí	đồng	547,981,000,000	551,292,000,000	
4.1	Chi phí A Lưới	đồng	388,939,000,000	380,673,000,000	Biểu số 4AL
4.2	Chi phí Cư Jút	đồng	157,234,000,000	170,566,000,000	Biểu số 4CJ
4.3	Chi phí điện áp mái và dịch vụ khác	đồng	1,808,000,000	53,000,000	Biểu số 1AMCJ
5	Lợi nhuận SXKD trước thuế	đồng	290,831,000,000	187,135,000,000	
5.1	Lợi nhuận trước thuế A Lưới	đồng	247,271,000,000	161,361,000,000	Biểu số 1AL
5.2	Lợi nhuận trước thuế Cư Jút	đồng	43,669,000,000	25,704,000,000	Biểu số 1CJ
5.3	Lợi nhuận trước thuế điện áp mái và dịch vụ khác		(109,000,000)	70,000,000	Biểu số 1AMCJ
6	Thuế TNDN	đồng	12,460,000,000	8,131,000,000	
6.1	Thuế TNDN A Lưới	đồng	12,396,000,000	8,117,000,000	Biểu số 1AL
6.2	Thuế TNDN Cư Jút	đồng		-	Biểu số 1CJ
6.3.	Thuế TNDN điện áp mái và dịch vụ khác	đồng	64,000,000	14,000,000	Biểu số 1AMCJ
7	Lợi nhuận SXKD sau thuế	đồng	278,371,000,000	179,004,000,000	
7.1	Lợi nhuận SXKD sau thuế A Lưới	đồng	234,875,000,000	153,244,000,000	Biểu số 1AL
7.2	Lợi nhuận SXKD sau thuế Cư Jút	đồng	43,669,000,000	25,704,000,000	Biểu số 1CJ
7.3	Lợi nhuận sau thuế điện áp mái và dịch vụ khác	đồng	(173,000,000)	56,000,000	Biểu số 1AMCJ

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2021
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN A LƯỚI

(Phương án tần suất lưu lượng nước về hồ P60%, vận hành phát điện ngày 05/05/2021)

ĐVT: kWh

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2021												
		Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Năm
1	Sản lượng điện sản xuất (tr kWh)	768,087	-	-	-	49,131,626	26,822,831	20,452,773	18,409,996	58,034,346	122,685,600	118,728,000	94,641,414	509,675,000
2	Tự dùng và tổn thất máy biến áp	5,112	-	-	-	413,698	242,427	190,812	173,882	479,231	928,145	901,657	738,059	4,073,000
2.1	Tự dùng (%)	2,556	-	-	-	206,849	121,213	95,406	86,941	239,616	464,073	450,829	369,029	2,036,500
2.2	Tổn thất máy biến áp (%)	2,556	-	-	-	206,849	121,213	95,406	86,941	239,616	464,073	450,829	369,029	2,036,500
3	Sản lượng điện thương phẩm (tr kWh)	762,975	-	-	-	48,717,929	26,580,405	20,261,961	18,236,114	57,555,115	121,757,455	117,826,343	93,903,356	505,602,000

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2021
NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI CỤ JÚT

ĐVT: kWh

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2021												
		Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Năm
1	Sản lượng điện sản xuất (tr kWh)	6,351,020	6,708,750	8,776,830	8,050,300	7,683,600	6,961,600	8,578,283	8,358,833	8,101,383	7,652,783	6,982,133	6,784,083	90,990,000
2	Tự dùng và tổn thất máy biến áp	77,457	76,813	97,405	92,578	88,361	80,058	98,650	96,127	93,166	88,007	80,295	78,017	1,047,000
3	Sản lượng điện thương phẩm (tr kWh)	6,287,669	6,645,226	8,692,491	7,957,722	7,595,239	6,881,542	8,479,633	8,262,707	8,008,217	7,564,776	6,901,839	6,706,066	89,983,000

BÁO CÁO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2021
ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI CƯ JÚT GĐ1

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Diễn giải	Giá trị	Ghi chú
1	Sản lượng điện sản xuất	kWh		79,000	Theo sản lượng thực tế vận hành từ tháng 9/2019- tháng 08/2020
2	Sản lượng tự dùng	kWh		16,000	
3	Sản lượng điện Thương phẩm	kWh		63,000	
4	Giá bán điện	đồng/kWh	8,38cent/100 *23.217 đ/kWh	1,946	Tỷ giá quy đổi theo Thông báo 116/TB-NHNN ngày 14/4/2021 và giá theo quy định tại điều 2 của HĐ mua bán điện
5	Doanh thu bán điện ĐMT áp mái Cư Jút GĐ 1	đồng		123,000,000	
6	Chi phí	đồng		53,000,000	Chủ yếu chỉ chi phí khấu hao
7	Lợi nhuận SXKD trước thuế	đồng	(5)-(6)	70,000,000	
8	Thuế TNDN	đồng	20%	14,000,000	
9	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN	đồng	(7)-(8)	56,000,000	

BÁO CÁO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2021

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN A LƯỚI

(Phương án tần suất lưu lượng nước về hồ P60%, vận hành phát điện ngày 05/05/2021)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Diễn giải	Giá trị	Ghi chú
1	Sản lượng điện sản xuất	kWh		509,675,000	Biểu số 2AL
2	Tự dùng và tổn thất máy biến áp	kWh		4,073,000	Biểu số 2AL
2.1	Sản lượng điện tự dùng	kWh		2,036,500	
2.2	Tổn thất máy biến áp	kWh		2,036,500	
3	Sản lượng điện Thương phẩm	kWh	(1)-(2)	505,602,000	Biểu số 2AL
4	Giá bán điện	đồng/kWh	Giá bình quân tính toán cho năm 2021	923.63	
5	Doanh Thu	đồng	(5.1)+(5.2)+(5.3)+(5.4)+(5.5)	542,034,000,000	
5.1	Doanh Thu phát điện	đồng	(3)x(4)	465,992,971,742	Doanh thu tháng 1 lấy theo thực tế (-291 triệu đồng) và các tháng sau theo giá bình quân tính toán cho năm 2021.
5.2	Thuế tài nguyên	đồng	1.864,44đ/kWh x 5%x(3)	47,133,000,000	
5.3	Phí môi trường rừng	đồng	36đ/kwhx(3)	18,202,000,000	
5.4	Chi phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	đồng	70% x 1864,44 x 1% x 649.150.000	8,472,000,000	Theo QĐ 1201/QĐ-BTNMT ngày 28/5/2020 của Bộ TN&MT
5.5	Doanh Thu HĐTC (lãi tiền gửi)	đồng		2,233,686,883	
6	Chi phí	đồng		380,673,000,000	Biểu số 4AL
7	Lợi nhuận SXKD trước thuế	đồng	(5)-(6)	161,361,000,000	
8	Thuế TNDN	đồng	5%	8,117,000,000	
9	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN	đồng	(7)-(8)	153,244,000,000	

**BÁO CÁO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2021
NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI CỤ JÚT**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Diễn giải	Giá trị	Ghi chú
1	Sản lượng điện sản xuất	kWh		90,990,000	Biểu số 2CJ
2	Tự dùng và tổn thất máy biến áp	kWh	1,15%	1,047,000	Biểu số 2CJ
3	Sản lượng điện Thương phẩm	kWh	(1)-(2)	89,983,000	Biểu số 2CJ
4	Giá bán điện		$9,35/100 \times 23.217$ (đ/kWh)	2,171	Tỷ giá quy đổi theo Thông báo 116/TB-NHNN ngày 14/4/2021 và giá theo quy định tại điều 2 của HĐ mua
5	Tổng doanh thu	đồng		196,270,000,000	
5.1	Doanh thu bán điện	đồng	(4)x(3)	195,334,151,579	
5.2	Doanh thu tài chính	đồng		936,313,117	
6	Chi phí	đồng		170,566,000,000	Biểu số 4CJ
7	Lợi nhuận SXKD trước thuế	đồng	(5)-(6)	25,704,000,000	
8	Thuế TNDN	đồng	0%	-	
9	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN	đồng	(7)-(8)	25,704,000,000	

BÁO CÁO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2021
ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI CƯ JÚT GĐ1

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Diễn giải	Giá trị	Ghi chú
1	Sản lượng điện sản xuất	kWh		79,000	Theo sản lượng thực tế vận hành từ tháng 9/2019- tháng 08/2020
2	Sản lượng tự dùng	kWh		16,000	
3	Sản lượng điện Thương phẩm	kWh		63,000	
4	Giá bán điện	đồng/kWh	8,38cent/100 *23.217 đ/kWh	1,946	Tỷ giá quy đổi theo Thông báo 116/TB-NHNN ngày 14/4/2021 và giá theo quy định tại điều 2 của HĐ mua bán điện
5	Doanh thu bán điện ĐMT áp mái Cư Jút GĐ 1	đồng		123,000,000	
6	Chi phí	đồng		53,000,000	Chủ yếu chỉ chi phí khấu hao
7	Lợi nhuận SXKD trước thuế	đồng	(5)-(6)	70,000,000	
8	Thuế TNDN	đồng	20%	14,000,000	
9	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN	đồng	(7)-(8)	56,000,000	

**KẾ HOẠCH CHI PHÍ SẢN XUẤT ĐIỆN
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN A LƯỚI**

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
I	Mua sắm vật tư, thiết bị, Nhiên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	4,103,000,000	2,950,000,000	
1	Vật tư, thiết bị	3,980,039,372	2,859,000,000	Biểu số 4.1AL
2	Nhiên liệu, vật liệu	123,000,000	75,000,000	Biểu số 4.1AL
3	Công cụ, dụng cụ phục vụ việc SX tại nhà máy	-	16,000,000	Biểu số 4.1AL
II	Lương và các khoản trích theo lương	37,404,000,000	32,788,000,000	
1	Tiền lương Ban điều hành	2,885,306,552	1,474,782,609	
2	Tiền lương người lao động	30,347,487,706	23,889,400,531	
3	Tiền lương Trưởng BKS	526,401,010	380,589,060	
4	Các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ)	3,644,687,521	4,133,271,748	
5	Tiền thưởng vận hành an toàn điện		2,910,112,845	
III	Khấu hao tài sản cố định	155,189,000,000	155,624,000,000	Biểu số 4.2AL
IV	Các khoản dịch vụ mua ngoài	5,284,000,000	6,107,000,000	Biểu số 4.3AL
1	Điện tự dùng mua của Tập đoàn	697,616,906	800,000,000	
2	Điện, nước	360,129,000	579,000,000	
3	Bảo hiểm tài sản (bảo hiểm đường hầm và cháy nổ)	1,407,000,000	1,334,000,000	
4	Các khoản dịch vụ mua ngoài khác	2,819,256,680	3,394,000,000	
V	Chi phí sửa chữa lớn và tiểu tu, trung tu, đại tu	943,000,000	20,229,000,000	Biểu số 4.4AL
VI	Chi phí bằng tiền	186,016,000,000	162,975,000,000	Biểu số 4.5AL
1	Chi phí sửa chữa thường xuyên, khắc phục bão lũ, phân bổ CCDC, phân bổ chi phí sửa chữa đường hầm và các chi phí phân bổ khác	24,785,000,000	29,057,000,000	
2	Thuế tài nguyên	55,693,000,000	47,133,000,000	
3	Phí bảo vệ môi trường rừng	21,507,000,000	18,202,000,000	
4	Chi phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	8,493,000,000	8,472,000,000	
5	Lãi vay	62,594,000,000	46,197,000,000	
6	Thuế, phí, lệ phí	118,000,000	66,000,000	
7	Ăn ca	1,661,000,000	1,607,000,000	
8	Chi phí bằng tiền khác	11,165,000,000	12,241,000,000	
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI)	388,939,000,000	380,673,000,000	

**KẾ HOẠCH CHI PHÍ SẢN XUẤT ĐIỆN
NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI CỤ JÚT**

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	KH năm 2021	Ghi chú
I	Mua sắm vật tư, thiết bị, Nhiên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	428,000,000	1,508,000,000	Biểu số 4.1CJ
1	Vật tư, thiết bị	428,165,417	1,393,000,000	
2	Nhiên liệu, vật liệu	-	-	
3	Công cụ, dụng cụ phục vụ việc SX		115,000,000	
II	Lương và các khoản trích theo lương	12,157,000,000	11,748,000,000	
1	Tiền lương Ban điều hành	918,280,648	534,017,391	
2	Tiền lương người lao động	9,929,202,901	8,650,329,393	
3	Các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ)	1,146,570,173	1,371,966,949	
4	Lương Trưởng BKS	163,304,454	137,810,940	
5	Tiền thưởng vận hành an toàn		1,053,749,115	
III	Khấu hao tài sản cố định	58,641,000,000	70,494,000,000	Biểu số 4.2CJ
IV	Các khoản dịch vụ mua ngoài	3,019,000,000	3,587,000,000	Biểu số 4.3CJ
1	Điện, nước	664,809,148	687,000,000	
2	Bảo hiểm cháy nổ	1,089,000,000	1,295,000,000	
3	Các khoản dịch vụ mua ngoài khác	1,265,099,178	1,605,000,000	
V	Chi phí sửa chữa lớn và tiêu tu, trung tu, đại tu	231,000,000	965,000,000	Biểu số 4.4CJ
VI	Chi phí bằng tiền	82,758,000,000	82,264,000,000	Biểu số 4.5CJ
1	Chi phí sửa chữa thường xuyên, khắc phục bảo lữ và phân bổ CCDC	924,252,486	3,799,000,000	
2	Lãi vay	74,269,529,552	69,673,000,000	
3	Thuế, phí, lệ phí	368,232,552	231,000,000	
4	Ăn ca	541,449,685	610,000,000	
5	Chi phí bằng tiền khác	6,655,000,000	7,951,000,000	
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI)	157,234,000,000	170,566,000,000	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 12. Quyền của cổ đông	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	29
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	32
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	32
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	33
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp	33
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	33
Điều 36. Thư ký Công ty	34
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	34
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát.....	35
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát.....	35
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	36
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	36
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	37
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	37
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	38
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	39
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	39
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	39
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	40

Điều 47. Phân phối lợi nhuận	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	40
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	40
Điều 49. Năm tài chính.....	40
Điều 50. Chế độ kế toán	40
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	41
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	41
Điều 52. Báo cáo thường niên	41
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	41
Điều 53. Kiểm toán.....	41
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	42
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp.....	42
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	42
Điều 55. Giải thể công ty.....	42
Điều 56. Gia hạn hoạt động	42
Điều 57. Thanh lý	42
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	43
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ	43
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	43
Điều 59. Điều lệ công ty	43
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	44
Điều 60. Ngày hiệu lực	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Central Hydropower Joint Stock Company

- Tên Công ty viết tắt: EVNCHP

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

- Điện thoại: 0236.3959110

- Fax: 0236.3935960

- E-mail: bttwebchp@gmail.com

- Website: www.chp.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và

nghĩa vụ của người đại theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình điện; Tư vấn quản lý dự án các công trình thủy điện; nhà máy điện năng lượng mặt trời; nhà máy điện năng lượng gió	7020
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn và thiết kế lưới điện, hệ thống điện chiếu sáng; Tư vấn giám sát xây dựng công trình ngầm; Tư vấn giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình năng lượng; Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì các nhà máy điện và các công trình công nghiệp; Tư vấn, giám sát thi công các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình đường dây và trạm biến áp, công trình nhà máy điện năng lượng mặt trời, nhà máy điện năng lượng gió	7110
3	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng (Địa điểm ngoài địa bàn thành phố);	0810
4	Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản;	0321
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, kinh doanh nhà và cho thuê.	6810
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;	5510
7	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện	4291

8	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;	5610
9	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	4212
10	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế	7911
11	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh karaoke, quán bar, vũ trường)	9329
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Nạo vét lòng hồ	4390
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
14	Xây dựng nhà để ở	4101
15	Xây dựng nhà không để ở	4102
16	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối điện	3512
17	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng rừng (Không hoạt động tại trụ sở)	0210
18	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
19	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây lắp công trình đường dây, trạm biến thế điện; Xây lắp công trình điện năng lượng mặt trời, điện năng lượng gió	4221
20	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ thí nghiệm điện và hóa dầu phục vụ công nghiệp điện năng và các lĩnh vực liên quan; dịch vụ thử nghiệm, hiệu chuẩn thiết bị cơ, điện, không điện (áp lực, nhiệt độ, lưu lượng, tốc độ, thời gian, hàm lượng khí, hành trình, trọng lượng) trong nhà máy điện, trạm biến áp và công trình/nhà máy công nghiệp; dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện và trang bị an toàn điện	7490
21	Sản xuất điện Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; nhà máy năng	3511(Chính)

	lượng mặt trời, năng lượng gió	
22	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
23	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Đào tạo nghề sửa chữa, vận hành nhà máy thủy điện, nhà máy điện năng lượng mặt trời, năng lượng gió, đường dây và trạm biến áp	8531
24	Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng (gỗ có nguồn gốc hợp pháp và không hoạt động tại trụ sở)	0220
25	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
26	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
27	Sửa chữa thiết bị điện	3314
28	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
29	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
31	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện và phụ kiện điện	2790
32	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị cơ khí	2599

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Đầu tư xây dựng các dự án năng lượng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng, cung cấp điện cho hệ thống điện Quốc gia; tối đa hoá lợi nhuận, đem lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông; đem lại việc làm, tạo thu nhập ổn định cho người lao động; đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **1.469.126.680.000** đồng (*Một nghìn bốn trăm sáu mươi chín tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **146.912.668** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong **thời hạn 30 ngày** kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có **quyền đại diện Công ty** triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các

cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời

họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở về.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. **Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;**

b) **Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.**

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Lưu ý, Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - c) Định hướng phát triển công ty;
 - d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
 - h) Tổ chức lại, giải thể công ty.
 - i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

k) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là (07) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q) Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
- r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại

hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị **và các khoản chi phí hợp lý khác theo Quy định chi tiêu nội bộ của Công ty.**

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **03 ngày làm việc** trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là **03 người** bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, **nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) Kiểm soát viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) Kiểm soát viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) Kiểm soát viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) Kiểm soát viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn [35%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ [35%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [35%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm [21 mục, 60 điều] được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Trung nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG CÔNG GIỚI

Phụ lục 01

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

STT	Tên cổ đông	Nơi ĐK HK thường trú đối với cổ đông cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	78A Duy Tân, P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Phổ thông	33.745.997	337.459.970.000	22,97%	0400101394	
2	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	72 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Quận 1, TPHCM	Phổ thông	33.745.998	337.459.980.000	22,97%	0300942001	
3	Tổng Công ty Điện lực Hà Nội	69 Đinh Tiên Hoàng, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội						Đã chuyển nhượng cổ phần
4	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11 phố Cửa Bắc, P. Trúc Bạch, Q. Ba Đình, Hà Nội						Đã chuyển nhượng cổ phần

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG -----	8
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng -----	8
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt-----	8
CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -----	9
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -----	9
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông -----	9
Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông -----	9
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông -----	9
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông -----	9
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông -----	11
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông -----	11
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông -----	11
Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông -----	12
Điều 9. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông-----	13
Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông-----	13
Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông-----	13
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội-----	14
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết-----	15
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử -----	16
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu -----	17
Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua-----	17
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----	17
Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông -----	18
Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	18
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	18
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN -----	18
Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản -----	18
Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản -----	19
Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến	

bằng văn bản 19

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN----- 19

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến ----- 19

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến----- 19

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử----- 20

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến ----- 20

Điều 28. Điều kiện tiến hành ----- 21

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến----- 21

Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến----- 21

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến ----- 21

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến ----- 22

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu----- 22

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ----- 22

Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ----- 22

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN ----- 22

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ----- 23

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông ----- 23

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông ----- 23

Điều 39. Điều kiện tiến hành ----- 23

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ----- 23

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu----- 23

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu ----- 23

Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu----- 23

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ----- 23

Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ----- 23

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ----- 23

Mục 1. Quy định chung ----- 23

Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT ----- 23

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT ----- 24

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT ----- 24

Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT ----- 24

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT -----	25
Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị -----	25
Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT -----	25
Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị -----	25
Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị -----	26
Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị -----	26
Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị -----	26
Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị -----	26
Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị -----	26
Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị -----	26
Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm -----	26
Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường -----	26
Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát 27	
Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị -----	27
Điều 61. Cách thức biểu quyết -----	27
Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị -----	28
Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị -----	28
Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị -----	28
Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị -----	29
Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị -----	29
Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị -----	29
Điều 67. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT -----	29
Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	29
Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty -----	29
Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	29
Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	29
Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	29
Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty -----	30
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT -----	30
Mục 1. Quy định chung -----	30
Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát -----	30
Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát -----	30

Điều 74. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát -----	30
Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát -----	30
Điều 76. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát -----	31
Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát -----	31
Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát -----	31
Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát -----	31
Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát -----	31
CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC -----	32
Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc -----	32
Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc -----	32
Điều 83. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc -----	32
Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	32
Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc -----	32
CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC -----	33
Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc -----	33
Điều 87. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc -----	33
Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát -----	33
Điều 89. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc -----	33
Điều 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT -----	33
Điều 91. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	34
Điều 92. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc -----	35
Điều 93. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS -----	
Điều 94. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên -----	35
Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác -----	37
Điều 95. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác -----	37
Điều 96. Khen thưởng -----	38

Điều 97. Kỷ luật-----	38
CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY -----	38
Điều 98. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty -----	38
CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC -----	39
Điều 99. Ngày hiệu lực -----	39
PHỤ LỤC I-----	40
TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HĐQT-----	40
Điều 1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban -----	40
Điều 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ -----	42
Điều 3. Hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ-----	42

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

2. Công ty: là Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung
3. HĐQT: là Hội đồng quản trị
4. Ứng cử: là tự đề cử
5. BKS: là Ban kiểm soát
6. VSD: là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
7. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)
8. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ công ty.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty)

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: *Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 14 Điều lệ Công ty.*
2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường: *Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 14 Điều lệ Công ty.*

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- g. Đoàn Chủ tọa bao gồm 01 Chủ tịch và các Thành viên.
- h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:
- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra **cổ đông/đại biểu**:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
 - Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty; Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp **theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty**.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.
4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo **quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.**
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông **theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.**
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định **tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty.**
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này theo **quy định tại khoản 5 Điều lệ Công ty.**
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 16 Điều lệ công ty; Khoản 1, 2, 5 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
 - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
 - Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;
- b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 - Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Các Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 22 Điều lệ công ty)

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 15 Điều lệ công ty)

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
3. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
4. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
9. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
10. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
13. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
14. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
15. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
16. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
17. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị *từ [35%]* tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
18. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
19. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
20. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
21. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
22. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung
 - a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
 - b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử
 - a. Phiếu biểu quyết
 - **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát, ... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có đầy đủ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết..

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ

b. Phiếu bầu cử

➤ **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

➤ **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cử đồng hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cử đồng Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu

quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

c. Bỏ phiếu điện tử tương tự như quy định tại điều 31 quy chế này.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.
- b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.
- c. Bỏ phiếu điện tử tương tự như quy định tại điều 31 quy chế này.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ **[65%]** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - f. Gia hạn hoạt động công ty;
 - g. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên **[50%]** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như **quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp** hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 132 & Điều 151 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

Công ty không có quy định trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18; Điều 22, 24 Điều lệ công ty)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất **10 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
 - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại **khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty**
 - b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo quy định tại **Khoản 4 Điều 22 Điều lệ Công ty**
4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại **Khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty**
5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến cổ đông theo quy định tại **Khoản 6 Điều 22 Điều lệ Công ty**
6. Lưu tài liệu thực hiện theo quy định tại **Khoản 7 Điều 22 Điều lệ Công ty**
7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty.
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Lưu ý: Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:
 - Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
 - Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này.
2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.

- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiên hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

a. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Đại biểu mới Được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng

trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản a Điều này.

c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 32 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 25 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 27 Quy chế này.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 30 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 31 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 32 Quy chế này.

Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 33 Quy chế này.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 34 Quy chế này.

Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 278, 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị

định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;

5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.
10. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, **quy chế quản trị nội bộ công ty** trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của 01 công ty đại chúng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định khoản 2, khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty

Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
2. Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu [quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp](#) hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 160 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty)

Các trường hợp bầu bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty

Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại điều 28 Điều lệ Công ty

Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ công ty)

Cuộc họp của HĐQT thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 30 Điều lệ Công ty

Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty.
2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp theo quy định tại **Khoản 6 Điều 30 Điều lệ Công ty**.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ công ty)

Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT được quy định tại **khoản 8 Điều 30 Điều lệ Công ty**.

Điều 61. Cách thức biểu quyết

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp theo quy định tại **Khoản 9 Điều 30 Điều lệ Công ty**.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải thực hiện theo quy định tại **Khoản 10 Điều 30 Điều lệ Công ty**.
3. Biểu quyết
 - a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 4. Việc công khai các lợi ích có liên quan của Thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 30 Điều lệ Công ty.**
5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị theo quy định tại **Khoản 15 Điều 30 Điều lệ Công ty.**
 6. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện theo quy định tại **Khoản 16 Điều 30 Điều lệ Công ty.**
 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 Quy chế này.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 67. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

(Căn cứ, Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Việc thành lập tiểu ban trực thuộc HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.
2. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được quy định chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Quy chế này.

Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty.

Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định Khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty

Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại **Khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty**.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ Điều 287, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và **Điều 40 Điều lệ công ty**

Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 74. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 168 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 38, 39 Điều lệ công ty)

1. Số lượng, nhiệm kỳ thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
3. Việc bầu Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại **Khoản 1 Điều 39 Điều lệ Công ty**.
4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của luật doanh nghiệp.
 3. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 76. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Điều 37 Điều lệ công ty)

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như **quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp** hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 174 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 38 Điều lệ Công ty.

Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. **Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty.**

Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty)

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 83. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 82 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

Điều 84. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 35 Điều lệ công ty)

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty.

Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Điều 87. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 89. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 35, Điều 40 Điều lệ công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
 - a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
 - Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
 - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - ...
 - b. Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;
 - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:
- a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - c. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
 - d. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
 - e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;
 - f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
 - h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 91. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 92. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 81 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 93. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 35, Khoản 3 Điều 43, Điều 45 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Các nội dung theo Điều 90 quy chế này;
 - b. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
 - c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn [35%] tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
 - a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - b. Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
 - c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 94. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

- b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
- c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- d. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- e. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc:

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
- b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến

Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

- e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của **mình**.
3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
 - a. Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
 - c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
 - e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.HĐQT.

Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 95. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 96. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 95 của Quy chế này.
2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..
4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 97. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 98. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 99. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 99 Điều, 01 Phụ lục được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC I

TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HĐQT

Điều 1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban

1. Vai trò của tiểu ban kiểm toán nội bộ:

Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các khuyến nghị về các nội dung sau đây:

- Hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của công ty.
- Các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của công ty đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao.
- Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà công ty đạt được.

2. Trách nhiệm của tiểu ban kiểm toán nội bộ:

- Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của công ty.
- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ.
- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận thuộc công ty.
- Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho người làm công tác kiểm toán nội bộ.

3. Thẩm quyền của tiểu ban kiểm toán nội bộ

- Được trang bị nguồn lực cần thiết, được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ như: Việc lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách, kế toán và quyết toán ngân sách đối với công ty dự toán; dự toán ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước đối với địa phương, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chiến lược đối với doanh nghiệp và các loại báo cáo khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của công ty.
- Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.
- Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.
- Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của công ty.
- Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các công ty, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.
- Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/công ty được kiểm toán.
- Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận kiểm toán nội bộ.
- Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
- Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế kiểm toán nội bộ của công ty.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của người làm công tác kiểm toán nội bộ

a. Trách nhiệm:

- Thực hiện kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
- Xác định các thông tin đầy đủ, tin cậy, phù hợp và hữu ích cho việc thực hiện các mục tiêu kiểm toán;
- Căn cứ vào các phân tích và đánh giá phù hợp để đưa ra kết luận và các kết quả kiểm toán một cách độc lập, khách quan;
- Lưu các thông tin liên quan để hỗ trợ các kết luận và đưa ra kết quả kiểm toán;
- Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán được giao thực hiện;
- Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
- Không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

b. Quyền hạn:

- Trong khi thực hiện kiểm toán có quyền độc lập trong việc nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán;
- Có quyền yêu cầu bộ phận/đơn vị được kiểm toán cung cấp kịp thời, đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung kiểm toán;
- Bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán trong phạm vi được phân công;
- Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của người phụ trách kiểm toán nội bộ

a. Trách nhiệm:

- Quản lý và điều hành bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ theo quy định;
- Đảm bảo nhân sự của bộ phận kiểm toán nội bộ được đào tạo thường xuyên, có đủ trình độ, năng lực chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ;
- Thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực của kiểm toán nội bộ;
- Báo cáo các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này khi phát hiện các vấn đề yếu kém, tồn tại của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Có ý kiến khi có đề nghị tham vấn của người phụ trách kiểm toán nội bộ các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;
- Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán do bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện;
- Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

b. Quyền hạn:

- Đề xuất với các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định 05/2019/NĐ-CP ban hành quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ và các phương pháp nghiệp vụ kiểm toán nội bộ;
- Được đề nghị trung tập người ở các bộ phận khác của đơn vị; được đề xuất thuê chuyên gia, tư vấn, thuê dịch vụ kiểm toán tham gia các cuộc kiểm toán nội bộ khi cần thiết, với điều kiện đảm bảo tính độc lập của kiểm toán nội bộ;
- Dự các cuộc họp theo quy định nội bộ của đơn vị và quy định của pháp luật;
- Thực hiện các quyền hạn quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 23 Nghị định 05/2019/NĐ-CP;
- Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị.

Điều 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ

1. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của tiểu ban kiểm toán nội bộ:
 - a. Nhiệm kỳ của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ cũng chính là nhiệm kỳ thành viên HĐQT của chính thành viên đó. Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm 02 thành viên, được thành lập bởi Hội đồng quản trị.
 - b. Các tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ, trưởng ban:
 - Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ.
 - Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại công ty đang công tác hoặc từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra.
 - Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.
 - Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật.
 - Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải là thành viên HĐQT;
 -
 - c. Cơ cấu thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ phải đảm bảo như sau :
 - Tối thiểu 01 thành viên đảm nhiệm thực hiện công tác kiểm toán nội bộ.
 - Tối thiểu 01 thành viên đảm nhiệm việc phụ trách công tác kiểm toán nội bộ của công ty.
 - Trường hợp cần thiết, Công ty có thể thuê tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện hoạt động kiểm toán theo quy định của pháp luật để cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ hoặc thành lập tổ giúp việc.
2. Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ:

Các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Phụ lục này và trình lên HĐQT xem xét khi HĐQT có nhu cầu tìm kiếm ứng viên. HĐQT sẽ tiến hành biểu quyết bầu TV ban Kiểm toán Nội Bộ theo trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT của quy chế này.

Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ khi không còn đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Phụ lục này.

Điều 3. Hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ

Hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ được thực hiện theo Quy chế và quy trình kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị công ty ban hành.

Số: /QĐ-EVNCHP-HĐQT

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung**

DỰ THẢO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021.
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số ngày

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thống nhất nội dung “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung”.

Điều 2. Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung” tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng Ban chức năng, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số ... ngày ... tháng ... năm 2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	4
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	7
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	9
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	10
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	11
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	12
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	13
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	14
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	16
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	18
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	18
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	19
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	20
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	20
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	21
Điều 23. Hiệu lực thi hành	21

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:

- Thành viên HĐQT phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên HĐQT công ty.

- Xét thấy cần thiết, HĐQT sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.

- Nếu nội dung trên được HĐQT thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là (07) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy chế này.

5. Thành viên hội đồng quản trị độc lập được tổ chức và phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cần trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

- b) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Mọi hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc

lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng

trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

5. Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị **từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty** và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **30 ngày** kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **03 ngày làm việc** trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 15 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác **theo Quy định quản lý chi tiêu nội bộ của công ty** mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

SO SÁNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

STT	Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
1	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này được Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung (dưới đây gọi là Công ty) thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 16 tháng 06 năm 2020.</p>	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021</p>	Tham chiếu Điều lệ mẫu – Thông tư 116/2020-BTC
2	<p>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p>	<p>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p>	
	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua</p>	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) <i>Vốn điều lệ</i> là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b) <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>- Theo Điều 4 Luật DN 2020, Luật CK 2019</p> <p>- Điều 1 Điều lệ mẫu – Thông tư 116/2020-BTC</p>

<p>ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;</p> <p>e. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty;</p> <p>f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p> <p>g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p>	<p>c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>d) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>e) <i>Việt Nam</i> là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f) <i>Ngày thành lập</i> là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>g) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</p> <p>h) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</p> <p>i) <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>j) <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>k) <i>Cổ đông sáng lập</i> là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>l) <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông được quy định tại khoản 18</p>	
---	--	--

		<p>Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>m) <i>Thời hạn hoạt động</i> là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;</p> <p>n) <i>Sở giao dịch chứng khoán</i> là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>	
	4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong điều lệ này.		
	III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
3	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	
	<p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</p>	- Điều 7,8 Luật DN 2020

	IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	
4	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
	3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của cổ phần được quy định tại Điều 12 Điều lệ này.	3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.	- Phù hợp với pháp luật hiện hành
	5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.	Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	- Căn cứ Khoản 3 Điều 124 LDN 2020
	6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp	6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.	- Điều 132 Luật DN 2020

	với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.		
5	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	
	2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp	2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.	- Điều 4 Luật CK 2019
	4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	- Khoản 3 Điều 121 Luật DN 2020
6	Điều 10. Thu hồi cổ phần	Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	
	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.	- Khoản 4, Điều 113 Luật DN.

	<p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không vượt tỷ lệ lãi suất trần của Ngân hàng Nhà nước vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p>- Tham chiếu Điều 10 Điều lệ mẫu – Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
7	Điều 12. Quyền của cổ đông	Điều 12. Quyền của cổ đông	
	<p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p>		
	<p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội</p>	<p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu</p>	<p>- Khoản 1, Điều 115 Luật DN 2020;</p>

<p>đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông - và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</p> <p>d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ</p>	
--	---	--

	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>này.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ</p>	<p>- Khoản 2, Điều 115 Luật DN 2020;</p>
--	--	---	--

		này.	
		<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	
9	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	
	Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau: 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.	Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau: 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.	- Khoản 1, Điều 119 Luật DN 2020;
	4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.		
	Chưa quy định	2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra	- Khoản 2, Điều 119 Luật

		khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	DN 2020;
		5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	- Khoản 5, Điều 119 Luật DN 2020
	2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử theo các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	- Khoản 6, Điều 119 Luật DN 2020; - Khoản 3 Điều 144, Luật DN 2020;
10	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	
	1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền	1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu	- Khoản 1, Khoản 2 Điều

	<p>cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn tổ chức Đại hội cổ đông, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	<p>139 Luật DN 2020;</p>
	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>	<p>- Khoản 4 Điều 273 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP;</p>
	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban</p>	<p>- Khoản 1 Điều 140 Luật DN 2020;</p>

<p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc giảm hơn một phần ba (1/3) số thành viên thành viên so với số quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>- Khoản 4 Điều 160 Luật DN 2020;</p> <p>- Khoản 3 Điều 155</p>

<p>cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ</p>	<p>đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến</p>	<p>Luật DN 2020;</p>
--	--	----------------------

	đồng, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	
11	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	
	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác]; e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;	- Khoản 2 Điều 138 Luật DN 2020;

		<ul style="list-style-type: none"> i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật. 	
	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông qua các báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên; d. Lựa chọn công ty kiểm toán; đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù 	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng 	<p>- Khoản 2 Điều 138 Luật DN 2020;</p>

<p>lao của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>m. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã phát hành;</p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này</p>	<p>và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế</p>	
--	---	--

	và các quy chế khác của Công ty.	<p>hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
	<p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 15 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p>		
12	Điều 16. Các đại diện được ủy quyền	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	
	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	- Khoản 1; Điều 144 Luật DN 2020
	2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy	- Khoản 2 Điều 144 Luật DN 2020;

	<p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p>quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	
	<p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>- Khoản 2 Điều 144 Luật DN 2020.</p>
13	Điều 17. Thay đổi các quyền	Điều 17. Thay đổi các quyền	
	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm</p>	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ</p>	

	<p>giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>đồng về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	
14	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	
	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày</p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có</p>	- Khoản 1, Điều 141 Luật DN 2020;

<p>gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	<p>quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	
<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>- Khoản 1 Điều 143 Luật DN 2020;</p>

	<p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết/bầu cử (nếu có);</p> <p>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	
	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp..</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>- Khoản 2 Điều 142 Luật DN 2020;</p>
	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều 18 trong các trường hợp sau:</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p>	<p>- Khoản 2 Điều 142 Luật DN 2020;</p>

	<p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</p> <p>d. Các trường hợp khác.</p>	<p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
	Chưa quy định	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Khoản 4 Điều 142 Luật DN 2020;
15	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.	- Khoản 1 Điều 145 Luật DN 2020;
	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp	- Khoản 2 Điều 145 Luật DN 2020;

	tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.	đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở .	
	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	- Khoản 3 Điều 145 Luật DN 2020;
	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.		
16	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
	1. Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:	- Khoản 1 Điều 146 Luật DN 2020;

<p>2. Khi tiến hành đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.</p>	<p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.</p>	
<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc</p>	<p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p>	<p>- Khoản 2 Điều 146 Luật DN 2020;</p>

<p>thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;</p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	
<p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>9. Người triệu tập Đại hội, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Người triệu tập Đại hội cho là thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham</p>	<p>- Khoản 4 Điều 146 Luật DN 2020;</p>

<p>đồng;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Người triệu tập Đại hội có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Người triệu tập Đại hội thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	
<p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p>	<p>- Khoản 8 Điều 146 Luật DN 2020;</p>
<p>Chưa quy định</p>	<p>7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho</p>	<p>- Khoản 9 Điều 146 Luật DN 2020;</p>

		đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.	
	Chưa quy định	8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	- Căn cứ tình hình thực tế.
	<p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập Đại hội khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>		
17	Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	

	<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e) Tổ chức lại, giải thể Công ty; f) Gia hạn hoạt động công ty; 	<p>- Khoản 1 Điều 148 Luật DN 2020;</p>
	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 21, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Lưu ý, Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.</p>	<p>- Khoản 2 Điều 148 Luật DN 2020;</p>

	<p>3. Bầu Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo nguyên tắc dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty. Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 1 điều này.</p>		
18	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	
	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông</p>	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ</p>	<p>- Khoản 1 Điều 149 Luật DN 2020;</p>

<p>bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>đồng về các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; c) Định hướng phát triển công ty; d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; f) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm h) Tổ chức lại, giải thể công ty. i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; k) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. 	
<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, 	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích lấy ý kiến; c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng 	<p>- Khoản 3 Điều 149 Luật DN 2020;</p>

	<p>quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	
19	Điều 23. Biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	
	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p>	- Khoản 1 Điều 150 Luật DN 2020;

<p>đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);</p> <p>i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	
<p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>- Khoản 2 Điều 150 Luật DN 2020;</p>
<p>4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản</p>		

	đổi về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.		
	<p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>5. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	- Khoản 6 Điều 150 Luật DN 2020;
20	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông vắng văn bản và ra quyết định của Đại hội</p>	<p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</p>	- Điều 151 Luật DN 2020;

	<p>đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	
21	<p>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	
	<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội</p>	<p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p>	<p>- Khoản 1 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</p>

<p>dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ học vấn;</p> <p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p>	<p>b) Trình độ chuyên môn;</p> <p>c) Quá trình công tác;</p> <p>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</p> <p>đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p> <p>e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	
<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được</p>	<p>- Khoản 2 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Căn cứ tình hình thực tế.</p>

	đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	
	3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.	3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	- Khoản 3 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
	Chưa quy định.	4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	- Khoản 1 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
22	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là (07) người. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành	- Khoản 1 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

		viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	
	2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu Thành viên độc lập HĐQT được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	<p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</p> <p>a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p> <p>Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	- Khoản 2, khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
23	3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại	- Điều 26 Điều lệ mẫu – Thông tư 116/2020/TT-BTC.

	<p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p>	Điều 160 Luật Doanh nghiệp.	
	4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	- Điều 26 Điều lệ mẫu – Thông tư 116/2020/TT-BTC.
24	Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	

<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm người điều hành Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;</p> <p>e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;</p> <p>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc</p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của</p>	<p>- Khoản 2 Điều 153 Luật DN 2020;</p>
---	--	---

<p>điều hành, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các vị trí quản lý khác trong Công ty, người đại diện của Công ty mà Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>m. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;</p> <p>n. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>o. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>p. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông.</p>	<p>những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>q) Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công</p>	
--	--	--

		<p>ty và của đơn vị trong công ty.</p> <p>r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị .</p> <p>s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
	<p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p>		

<p>e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần trong mười hai (12) tháng;</p> <p>k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p>		
<p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>- Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</p>

25	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
		1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	- Khoản 1 Điều 163 Luật DN 2020;
	1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	- Khoản 2 Điều 163 Luật DN 2020;
	2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	- Khoản 3 Điều 163 Luật DN 2020;
	5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.	5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác theo Quy định quản lý chi tiêu nội bộ Công ty mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.	

	Chưa quy định.	6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.	- Tham chiếu Điều 28 Điều lệ mẫu – Thông tư 116/2020/TT-BTC.
26	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
	1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	- Khoản 1 Điều 156 Luật DN 2020;
	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh	- Khoản 3 Điều 156 Luật DN 2020;

		nghiệp và Điều lệ này.	
	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.		
	Chưa quy định	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	- Khoản 4 Điều 156 Luật DN 2020;
27	Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	
	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất	2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03	- Khoản 2 Điều 157 Luật DN 2020;

	<p>là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p>	<p>ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	
	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Thành viên độc lập HĐQT;</p> <p>d. Ban kiểm soát.</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>- Khoản 3 Điều 157 Luật DN 2020;</p>

	<p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p>	<p>15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.</p> <p>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	<p>Căn cứ tình hình thực tế và cụ thể hóa Điều 157 Luật DN 2020.</p>
28	<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p>	
	<p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công</p>	<p>- Khoản 6 Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</p>

	<p>viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>3. Việc thành lập các Tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</p>	ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	
29	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	
	<p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>	- Khoản 1 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
	<p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p>	- Khoản 2 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

<p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p>		
<p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của</p>	<p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>- Khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</p>

	pháp luật và Điều lệ công ty.		
30	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp	
	2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.	2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. 3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	- Điều 163 LDN 2020
31	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	
	Chưa quy định.	2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	- Khoản 2 Điều 162 LDN 2020;
	2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc công ty là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;	3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	- Khoản 2 Điều 162 LDN 2020;
	3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc công ty	4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:	- Khoản 3 Điều 162 LDN

<p>có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.</p> <p>c. Kiến nghị về số lượng và các chức danh Người điều hành cần thiết để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm khi cần thiết để thực hiện các công việc quản lý tốt nhất do Hội đồng quản trị đề ra, đồng thời tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với Người điều hành;</p> <p>d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;</p> <p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc</p>	<p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>2020;</p>
---	---	--------------

	<p>công ty;</p> <p>g. Tuyển dụng lao động;</p> <p>h. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc công ty phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính và đầu tư chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, phù hợp với kế hoạch tài chính năm năm và dài hạn của Công ty;</p> <p>i. Thực thi kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính và đầu tư hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>j. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc công ty và Pháp luật.</p>		
32	Điều 36. Thư ký Công ty	Điều 36. Thư ký Công ty	
	Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty	Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội	- Khoản 5 Điều 156 LDN 2020;

	<p>tuỳ từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 3. Tham dự các cuộc họp. 4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp. 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Tiền lương, phụ cấp, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác của Thư ký Công ty do Hội đồng quản trị quyết định</p>	<p>đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <ol style="list-style-type: none"> b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty. 	
33	Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	<p>IX. BAN KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)</p>	
	<p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p>	<p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm</p>	<p>- Khoản 1 Điều 285 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Căn cứ tình hình thực tế.</p>

		giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) Kiểm soát viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) Kiểm soát viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) Kiểm soát viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) Kiểm soát viên.	
	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	- Khoản 2 Điều 285 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; - Căn cứ tình hình thực tế.
34	Điều 38. Thành viên Ban Kiểm soát	Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	
	3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;	Quy định tại Điều 39	

	<p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>		
	<p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>- Khoản 1 Điều 174 LDN 2020;</p>
	<p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật,</p>	<p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p>	<p>- Khoản 2 Điều 174 LDN 2020;</p>

	Điều lệ này.	d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	
35		Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	
		<p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	- Khoản 2 Điều 168 LDN 2020;
36	Điều 39. Ban Kiểm soát	Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	
	<p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán</p>	<p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động</p>	<p>- Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Điều 170, 171 Luật DN 2020;</p>

<p>Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội</p>	
---	---	--

		<p>đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p>		
37		Điều 41. Cuộc họp Ban kiểm soát	
	<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p>	<p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>- Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</p>
38		Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác	

		của thành viên Ban kiểm soát	
	<p>4. Mức thù lao, tiền lương của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. 2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty. 	- Điều 172 Luật DN 2020
	X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
39	Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	

	<p>3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	<p>- Khoản 3, Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</p>
		<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>- Khoản 4, Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</p>
	<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất,</p>	<p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của</p>	<p>- Khoản 2 Điều 167 LDN 2020; - Điều chỉnh tỷ lệ phù hợp với quyền của HĐQT.</p>

những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người

những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

	khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.		
40	Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	
	<p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>		
41	XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	
	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông</p>	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p>	- Khoản 2 Điều 115 Luật DN 2020;

	<p>mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>	
42	<p>XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</p> <p>Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p>	<p>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</p> <p>Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</p>	
	<p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi ngày (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>- Tham chiếu Điều 55 Điều lệ mẫu – Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo</p>	<p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p>	<p>- Tham chiếu Điều 55 Điều lệ mẫu – Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

	cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính		
	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng đã soát xét và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	- Tham chiếu Điều 55 Điều lệ mẫu – Thông tư 116/2020/TT-BTC.
	4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng đã soát xét và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.		
	5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.		
43	XVII. CON DẤU Điều 53. Con dấu	XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	
	1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).	- Điều 43 Luật DN 2020;

		3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	
44	XXI. NGÀY HIỆU LỰC Điều 60. Ngày hiệu lực	XXI. NGÀY HIỆU LỰC Điều 60. Ngày hiệu lực	
	<p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Trung nhất trí thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Thành phố Đà Nẵng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Bản điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản và có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Pháp Luật;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Bản điều lệ này gồm [21 mục, 60 điều] được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Trung nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><i>Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật.</i></p>	- Điều 59 Điều lệ mẫu – Thông tư 116/2020/TT-BTC.

**PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG**

STT	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung	Ý kiến của EVNCPC	Đề xuất hiệu chỉnh
1	<p>Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 9 về chuyển nhượng cổ phần, đề nghị quy định điều kiện để chuyển nhượng cổ phần ưu đãi.</p>	
	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p>	
2	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông</p>	<p>Hiệu chỉnh Điều 14, Khoản 3, Điểm b như sau: “Số lượng thành viên HĐQT, thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc bị giảm quá 1/3 so với quy định tại Điều lệ CHP”;</p>	

	<p>quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		
3	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là (07) người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <i>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</i></p>	- Dự thảo Điều lệ quy định cụ thể thời hạn của nhiệm kỳ (mà quy định không quá 5 năm). Đề nghị quy định chính xác thời hạn nhiệm kỳ TV HĐQT là 4 hoặc 5 năm.	
5	Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	
	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp <i>Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</i>	- Tại điểm b khoản 3 Điều 30 “ <i>Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác</i> ”, đề nghị	

	<p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>quy định cụ thể khái niệm “người quản lý khác”.</p>	
6	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	
	<p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Dự thảo có nội dung “Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá 05 năm”, đề nghị quy định rõ nhiệm kỳ là bao nhiêu năm.</p>	
7	Điều 38. Thành viên Ban Kiểm soát	Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	
	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Đề nghị quy định chính xác thời hạn nhiệm kỳ BKS là 4 hoặc 5 năm. Đồng thời đề nghị quy định cụ thể số lượng BKS.</p>	
8	Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	
	<p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong</p>	<p>- Khoản 3 Điều 44 đề nghị bỏ nội dung “<i>Kể cả phí thuê luật sư</i>” trong chi phí bồi thường vì theo luật định thì chi phí thuê luật sư không phải là chi phí hợp lý để yêu cầu bồi thường.</p>	

	khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.		
9	Điều 58: Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 58: Giải quyết tranh chấp nội bộ	
	<p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>a) Cổ đông với Công ty;</p> <p>b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không</p>	<p>Sửa lại Điều 58 “giải quyết tranh chấp nội bộ” theo hướng tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua thương lượng (trong một thời hạn nhất định), quá thời hạn nêu trên thì một trong các bên có thể yêu cầu tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Qua đó, bỏ các phương thức hòa giải và trọng tài thương mại.</p>	

	<p>được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>		
II	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		
2	<p>Điều 68: Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty (Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Điều lệ công ty)</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty</p>	- Đề nghị bổ sung các tiêu chuẩn cụ thể của người phụ trách quản trị công ty vào Điều 68 của dự thảo.	
3	<p>Điều 82: Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc (Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty)</p> <p>Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	Điều 82 của dự thảo có nội dung “ <i>Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá 05 năm</i> ”, đề nghị quy định rõ nhiệm kỳ là bao nhiêu năm	

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM PHIẾU BIỂU QUYẾT

Mã số đại biểu: **9**
Họ và tên đại biểu: **NGUYỄN QUANG QUYỀN**
Tổng số cổ phần biểu quyết: **33.324.802 Cổ phần**
Đại diện cổ đông: **CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG REE**

Phụ lục đề nghị chỉnh sửa Nội dung 10 của Phiếu biểu quyết - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung.

4. Sửa đổi điều lệ:

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

Đề nghị bỏ tỷ lệ 10%, vì theo luật chứng khoán quyền mua lại cổ phiếu do ĐHDCĐ quyết định, do vậy không cần để tỷ lệ.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

Đề nghị bỏ tỷ lệ 10%, vì theo luật chứng khoán quyền mua lại cổ phiếu do ĐHDCĐ quyết định, do vậy không cần để tỷ lệ.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

f) Gia hạn hoạt động công ty;

Sửa đổi Điều lệ Công ty

Đề nghị bổ sung điểm d như sau: Dự án đầu tư hoặc bán tài sản, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Đề nghị giữ tỷ lệ như hiện nay là 51%.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

Đề nghị bỏ mục này vì đây là quyền của ĐHCĐ theo luật chứng khoán.

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản **trở lên** được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

Đề nghị bỏ nội dung này ở Điều 27 về Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và bổ sung nội dung này vào Điểm d Khoản 1 Điều 21 như trên.

5. Quy chế quản trị công ty:

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

e) Quyết định điều chỉnh cơ cấu Tổng mức đầu tư nếu sự điều chỉnh không làm tăng giá trị tổng mức đầu tư đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

f) Thành lập Tổ chuyên gia thẩm định báo cáo đầu tư, Dự án đầu tư, Thiết kế kỹ thuật – Tổng dự toán; Thành lập Tổ thẩm định kết quả đấu thầu; Thành lập Tổ chuyên gia thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành;

g) Phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu, chỉ định thầu xây lắp, mua sắm vật tư thiết bị và các hợp đồng kinh tế các gói thầu có giá trị từ 20 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng Việt Nam; các gói thầu Tư vấn có giá trị từ 02 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng Việt Nam;

h) Phê duyệt định biên lao động, chi phí tiền lương, chi phí quản lý dự án, chi phí hoạt động, chi phí sản xuất hàng năm của công ty; phê duyệt kế hoạch chi quỹ khen thưởng phúc lợi hàng năm do Tổng Giám đốc trình;

i) Chủ tịch Hội đồng quản trị sử dụng Tổ thẩm định của HĐQT, trong trường hợp cần thiết có thể sử dụng bộ máy giúp việc của mình để rà soát các nội dung công việc thuộc thẩm quyền trước khi ban hành quyết định;

Đề nghị bỏ các mục e) ; f); g); h); i) vì CT HĐQT công ty chỉ đại diện các TV HĐQT để ra ý kiến, đặc biệt CT HĐQT không chuyên trách.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

Đề nghị bỏ điều này vì theo luật chứng khoán mới việc mua lại cổ phiếu là do ĐHDCĐ quyết định và nó làm giảm vốn Điều lệ.

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 50 tỷ đồng Việt Nam trở lên, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

Đề nghị điều chỉnh từ 50 tỷ đồng xuống 1 tỷ đồng cho phù hợp với doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Đối với các hợp đồng, mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 50 tỷ đồng Việt Nam trở lên giao cho Tổng Giám đốc tiến hành thương thảo bản hợp đồng và trình HĐQT xem xét thông qua trước khi ký kết. Đối với các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thế chấp tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 50 tỷ đồng Việt Nam và các hợp đồng (đối với lĩnh vực tư vấn, xây lắp, mua sắm vật tư thiết bị trong nước) của các gói thầu thực hiện theo Luật đấu thầu giao cho Tổng Giám đốc tiến hành thương thảo, ký hợp đồng và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng quản trị.

Đề nghị bỏ đoạn này vì đoạn trên đã quy định đủ.

y) Phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu, chỉ định thầu, xây lắp, mua sắm vật tư thiết bị các gói thầu từ 50 tỷ đồng Việt Nam trở lên; các gói thầu Tư vấn có giá trị từ 05 tỷ đồng Việt Nam trở lên;

Đề nghị điều chỉnh từ 50 tỷ đồng xuống 1 tỷ đồng.